

Số: 187 /CBTT-TA-HĐQT

TP.HCM, ngày 20 tháng 5 năm 2019

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
(Phòng Công bố thông tin; Vụ Quản lý Phát hành)
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
(Phòng quản lý niêm yết)

Công ty: **Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An**

Mã chứng khoán: TAW

Trụ sở chính: 873A Quang Trung, phường 12, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3588 3474

Fax: (028) 3588 3475

Người thực hiện công bố thông tin: Hoàng Thế Bảo

Địa chỉ: 873A Quang Trung, phường 12, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại di động: 0903632962

Điện thoại cố định (cơ quan): (028) 39851386

Loại công bố thông tin: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Thực hiện Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường Chứng khoán, Công ty cổ phần Cấp nước Trung An (Công ty) công bố thông tin về tài liệu đại hội cổ đông thường niên năm 2019, bao gồm:

1. Chương trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2019.
2. Thê lệ làm việc và biểu quyết tại Đại hội.
3. Thê lệ bầu cử thành viên Hội đồng quản trị.
4. Báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất – kinh doanh của Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An năm 2018 và định hướng công tác SXKD năm 2019
5. Báo cáo hoạt động năm 2018, định hướng công tác năm 2019 của Hội đồng quản trị
6. Báo cáo hoạt động năm 2018, phương hướng năm 2019 của Ban Kiểm soát.
7. Báo cáo tài chính năm 2018 đã kiểm toán của Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An.
8. Tờ trình của Ban kiểm soát về lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 trình ĐH cổ đông.

9. Tờ trình về việc trích lập quỹ, phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2018 và thông qua chỉ tiêu tài chính, chia cổ tức năm 2019 của Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An
10. Tờ trình thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát không chuyên trách, thư ký công ty năm 2019.
11. Tờ trình về việc giao Hội đồng quản trị quyết định các hợp đồng giao dịch với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn
12. Tờ trình về sửa đổi Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ.
13. Tờ trình bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2015-2020.
14. Mẫu thẻ biểu quyết và phiếu biểu quyết.
15. Đơn ứng cử thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2015-2020 và hồ sơ đính kèm.
16. Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019

Thông tin này được đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty ngày 20 tháng 5 năm 2019 tại đường dẫn <http://www.capnuoctrungan.vn>, mục tin cổ đông.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
GIÁM ĐỐC

CÔNG TY
CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC
TRUNG AN

Hoàng Thế Bảo



CHƯƠNG TRÌNH

HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

1. Tuyên bố lý do và Giới thiệu đại biểu
2. Báo cáo kết quả thẩm tra tư cách cổ đông
3. Thông qua danh sách Chủ tọa đoàn, Thư ký đoàn, Ban kiểm phiếu
4. Thông qua Thê lệ làm việc và biểu quyết tại Đại hội
5. Thông qua Chương trình làm việc tại Đại hội
6. Thông qua Báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất – kinh doanh của Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An năm 2018 và định hướng công tác SXKD năm 2019
7. Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2018, định hướng công tác năm 2019 của Hội đồng quản trị (HĐQT)
8. Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2018, phương hướng năm 2019 của Ban Kiểm soát (BKS).
9. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán của Công ty
10. Tờ trình của Ban kiểm soát về lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 trình ĐH cổ đông.
11. Thông qua Tờ trình về việc trích lập quỹ, phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2018 và thông qua chỉ tiêu tài chính, chia cổ tức năm 2019 của Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An
12. Tờ trình thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát không chuyên trách, thư ký công ty năm 2019.
13. Tờ trình về việc giao Hội đồng quản trị quyết định các hợp đồng giao dịch với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn
14. Tờ trình về sửa đổi Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ;
15. Tờ trình bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2015-2020.
16. Thảo luận và đóng góp ý kiến
17. Đại hội biểu quyết thông qua các tờ trình và các báo cáo năm 2018 do chủ tọa đoàn trình bày.
18. Đại hội tiến hành bầu bổ sung 01 thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2015-2020.
19. Phát biểu của Đại biểu khách mời tham dự Đại hội.
20. Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019
21. Tuyên bố bế mạc Đại hội.



GIẤY ỦY QUYỀN
THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRUNG AN

Kính gửi: HĐQT CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRUNG AN

Bên ủy quyền:

Cổ đông:

Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD: Ngày cấp: Nơi cấp:.....

Người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức):

Địa chỉ:

Điện thoại:

Hiện đang sở hữu/đại diện sở hữu (theo danh sách chốt ngày 27/3/2019):
cổ phần Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An.

Ủy quyền cho:

Bên được ủy quyền:

Ông (bà):

Số CMND/Hộ chiếu: Ngày cấp: Nơi cấp:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Thay mặt bên ủy quyền tham dự Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội. Số phiếu biểu quyết tính tương ứng với số cổ phần đại diện.

Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi kết thúc Đại hội. Người được ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền cho người thứ ba.

Bên ủy quyền hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự ủy quyền này và cam kết không có bất kỳ sự khiếu nại nào về sau.

BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm 2019
BÊN ỦY QUYỀN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 5 năm 2019

**THẺ LỆ LÀM VIỆC VÀ BIỂU QUYẾT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRUNG AN**

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An được tiến hành trong không khí trang trọng, hợp lệ và thành công tốt đẹp, kính đề nghị Quý cổ đông tham dự thực hiện nghiêm túc các quyền hạn và nghĩa vụ của mình dưới đây:

1. Tất cả cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An theo danh sách cổ đông do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán lập ngày 25 tháng 3 năm 2018 được quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.
2. Cổ đông hoặc đại diện cổ đông đã làm thủ tục đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 được quyền tham gia phát biểu ý kiến, biểu quyết và bầu cử tại Đại hội.
3. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Chủ tọa đoàn điều khiển. Cổ đông tham gia Đại hội phải tuân thủ theo sự điều khiển của Chủ tọa đoàn nhằm tạo điều kiện cho Đại hội diễn ra một cách thuận lợi, nhanh chóng và hợp lệ.
4. Khi tiến hành đăng ký tham dự đại hội, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền Phiếu biểu quyết và Thẻ biểu quyết, trên đó ghi mã số tham dự, tên của cổ đông và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.

4.1 Phiếu biểu quyết: (màu xanh)

- Đối với các nội dung: Thông qua nhân sự Chủ tọa đoàn, Thư ký đoàn, Ban kiểm phiếu; Thẻ lệ làm việc và biểu quyết tại Đại hội; Chương trình làm việc của Đại hội; Biên bản, Nghị quyết Đại hội và một số vấn đề phát sinh ngay tại Đại hội.
- Cổ đông biểu quyết bằng cách giơ Phiếu biểu quyết theo sự điều khiển của Chủ tọa đoàn để lấy ý kiến biểu quyết: Đồng ý hoặc Không đồng ý hoặc Không có ý kiến.

4.2 Thẻ biểu quyết: (màu trắng)

- Cổ đông biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết đối với các nội dung chính của Đại hội (trừ các vấn đề đã được biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết nêu trên) bằng cách đánh dấu chéo (X hoặc ✓) vào ô Đồng ý hoặc Không đồng ý hoặc Không có ý kiến của từng nội dung được nêu trong Thẻ biểu quyết.

Trong trường hợp có nhiều hơn một phương án của cùng một nội dung xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông thông qua, cổ đông biểu quyết bằng cách đánh dấu chéo (X hoặc ✓) vào ô Đồng ý Phương án mà mình lựa chọn hoặc Không có ý kiến.

- Thẻ biểu quyết không hợp lệ là thẻ biểu quyết không do Công ty phát hành; ghi thêm nội dung, thông tin, ký hiệu khác... khi không được Chủ tọa yêu cầu; thẻ biểu quyết bị gạch xóa, sửa chữa, rách, không còn nguyên vẹn. Thẻ biểu quyết không thể hiện rõ ràng ý kiến của cổ đông, không đánh dấu ý kiến nào hoặc đánh dấu từ 2 ý kiến trở lên đối với nội dung cần lấy ý kiến biểu quyết nào thì phần biểu quyết đối với nội dung đó là không hợp lệ.
 - Trong một Thẻ biểu quyết, các nội dung cần lấy ý kiến được biểu quyết độc lập với nhau. Sự không hợp lệ của phần biểu quyết nội dung này sẽ không ảnh hưởng đến tính hợp lệ của các nội dung khác.
 - Trường hợp cổ đông biểu quyết nhầm hoặc thẻ biểu quyết không còn nguyên vẹn, cổ đông có thể liên hệ với Ban tổ chức để được cấp lại Thẻ biểu quyết mới và phải nộp lại Thẻ biểu quyết cũ.
 - Trường hợp cổ đông đã đăng ký tham dự Đại hội nhưng vì lý do quan trọng không thể có mặt đến hết chương trình Đại hội, cổ đông đó phải gửi lại Thẻ biểu quyết đã biểu quyết các vấn đề cần lấy ý kiến cho Ban tổ chức trước khi ra về. Nếu cổ đông nào không gửi lại Thẻ biểu quyết cho Ban tổ chức, Ban kiểm phiếu xem như cổ đông đó đồng ý đối với các vấn đề cần lấy ý kiến.
 - Thời gian bỏ phiếu được tính từ khi Chủ tọa hoặc Trưởng ban kiểm phiếu thông báo bắt đầu bỏ phiếu cho đến khi không còn cổ đông/đại diện cổ đông nào bỏ phiếu vào thùng phiếu.
5. Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập Biên bản thống kê số phiếu Đồng ý, Không đồng ý, Không có ý kiến của Đại hội đồng cổ đông đối với từng vấn đề biểu quyết để báo cáo Chủ tọa đoàn. Chủ tọa sẽ công bố kết quả kiểm phiếu từng vấn đề sau khi tiến hành biểu quyết.
 6. Cổ đông đến dự họp muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết các nội dung tiếp theo tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự không bị ảnh hưởng.
 7. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông chấp thuận. Đối với các quyết định liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 75% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).
 8. Nội dung cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được Thư ký đoàn ghi chép đầy đủ vào Biên bản Đại hội và thông qua Đại hội trước khi bế mạc.

9. Thể lệ làm việc và biểu quyết này được đọc trước Đại hội đồng cổ đông và lấy ý kiến biểu quyết của các cổ đông. Nếu được Đại hội đồng cổ đông thông qua với tỷ lệ từ 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp trở lên, Thể lệ này sẽ có hiệu lực thi hành bắt buộc đối với tất cả các cổ đông.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



[Handwritten signature]
VÕ THỊ HỒNG HÀ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 5 năm 2019

**THẺ LỆ BẦU CỬ BỔ SUNG
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2015-2020
(theo hình thức bầu dồn phiếu)**

1. Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc Hội khóa XIII thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cấp nước Trung An (sửa đổi bổ sung lần thứ 6 theo Quyết định số 30/QĐ-TA-HĐQT ngày 20 tháng 11 năm 2018);
- Căn cứ tờ trình của Hội đồng quản trị về việc bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2015-2020.

2. Mục tiêu:

- Đảm bảo tuân thủ luật pháp và các thông lệ tại Việt Nam;
- Đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ và quyền lợi hợp pháp của tất cả cổ đông;
- Đảm bảo tính tập trung, ổn định tổ chức của Đại hội đồng cổ đông.

3. Đối tượng thực hiện bầu cử:

Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An năm 2019.

Số lượng bầu bổ sung thành viên HĐQT : 01 thành viên

5. Phương thức bầu cử:

- Việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu quy định tại Khoản 3, Điều 144 Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13.
- Danh sách ứng cử viên HĐQT được hình thành theo nguyên tắc sau: Dựa trên tờ trình của HĐQT và đơn ứng cử của ứng cử viên HĐQT đáp ứng các tiêu chuẩn quy định trong Điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An.
- Mỗi cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền được phát một phiếu bầu HĐQT cho toàn bộ số cổ phần sở hữu và được ủy quyền.
- Cổ đông phải ghi rõ số phiếu bầu cho ứng cử viên mà mình lựa chọn vào bên phải tên của ứng viên được lựa chọn. Nếu không lựa chọn ứng cử viên, cổ đông gạch lên cả họ và tên của ứng cử viên đó.

Trong trường hợp phiếu bầu vừa có dấu X (hoặc dấu √) trong ô vuông bên trái tên ứng cử viên được chọn vừa có ghi số phiếu bầu vào ô bên tay phải ứng viên được chọn thì thông tin số phiếu bầu do cổ đông ghi vào ô bên phải tên ứng cử viên sẽ là thông tin hợp lệ để làm cơ sở tính phiếu bầu.

Trong mọi trường hợp tên ứng viên bị gạch bỏ nhưng vừa có thông tin dấu X (hoặc dấu ✓) vào ô vuông bên trái tên ứng cử viên và/hoặc có số phiếu đồng ý bầu vào ô bên phải tên ứng viên thì đều xem là cổ đông không bầu cho ứng cử viên này.

Trường hợp phiếu bầu có dấu X (hoặc dấu ✓) trong ô vuông bên trái tên ứng cử viên được chọn nhưng không ghi số phiếu bầu vào cột bên phải của ứng viên thì xem như cổ đông đã dồn toàn bộ số phiếu bầu của mình cho ứng cử viên này.

– Mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu bằng tổng số cổ phần đại diện sở hữu (bao gồm sở hữu và ủy quyền) nhân với số lượng thành viên được bầu của HĐQT. Theo đó, cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho ứng cử viên hoặc chỉ sử dụng một số lượng phiếu nhất định trong tổng số lượng phiếu của mình cho ứng cử viên (cổ đông không được bầu quá tổng số phiếu bầu mà cổ đông sở hữu hoặc được ủy quyền).

– Trường hợp cổ đông có sự nhầm lẫn khi ghi phiếu bầu HĐQT và chưa bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu, cổ đông có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu để được đổi lại phiếu bầu.

6. Thủ tục và hình thức tiến hành bầu cử:

6.1. Phiếu bầu cử:

– **Hình thức phiếu bầu cử:** Phiếu bầu HĐQT được in trên giấy màu hồng có đóng dấu treo của Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An.

a. Nội dung phiếu bầu cử:

– Phần 1: Thể hiện Mã số đăng ký tham dự đại hội, Tổng số cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu, tổng số phiếu bầu.

– Phần 2: Danh sách ứng cử viên HĐQT.

– Phần 3: Một số lưu ý quan trọng (nếu có).

b. Phiếu bầu hợp lệ: Là các phiếu bầu theo mẫu in sẵn do Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An phát hành, có dấu treo của Công ty, không được tẩy xóa, cạo sửa.

c. Các trường hợp phiếu bầu không hợp lệ:

– Phiếu không theo mẫu quy định, không do Công ty phát hành hoặc không có dấu treo của Công ty;

– Phiếu có tổng số phiếu bầu cho ứng cử viên lớn hơn tổng số phiếu bầu của cổ đông;

– Phiếu không gạch cả họ và tên của ứng cử viên không chọn;

– Phiếu ghi thêm tên người khác vào danh sách hoặc ghi thêm những thông tin, ký hiệu,... khác;

– Phiếu bị gạch xóa, sửa chữa;

– Phiếu không còn nguyên vẹn;

– Số lượng phiếu bầu cho ứng cử viên ghi bằng % hoặc tỷ lệ hoặc hệ số....

d. Trường hợp xem là không tham gia bầu cử:

Các cổ đông có tham dự đại hội mà không bỏ phiếu bầu cử thì số phiếu bầu của cổ đông đó được xem là không tham gia bầu cử.

6.2. Ban kiểm phiếu, nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

a. Ban kiểm phiếu: 05 người do Chủ tọa đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua, có trách nhiệm:

- Trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Thể lệ bầu cử;
- Hướng dẫn cách thức bỏ phiếu và tổ chức bầu cử;
- Tiến hành kiểm phiếu;
- Công bố kết quả bầu cử trước Đại hội.

Lưu ý: Thành viên Ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào HĐQT.

b. Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu:

- Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước khi bỏ phiếu với sự chứng kiến của các cổ đông;
- Các cổ đông công khai bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu;
- Việc bỏ phiếu bắt đầu từ khi có thông báo của Trưởng Ban kiểm phiếu và kết thúc khi không còn cổ đông nào bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu;
- Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc;
- Kết quả kiểm phiếu được thể hiện trong Biên bản kiểm phiếu và được Trưởng Ban kiểm phiếu công bố trước Đại hội.

7. Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu:

- Do chỉ có 01 ứng cử viên ứng cử thành viên HĐQT nên người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo tổng số phiếu được cổ đông bầu.

8. Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu:

- Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập biên bản kiểm phiếu. Nội dung biên bản kiểm phiếu bao gồm: Tổng số phiếu bầu hợp lệ, tổng số phiếu bầu không hợp lệ; số phiếu bầu và tỉ lệ % phiếu bầu trên tổng số cổ phần tham gia bầu cử hợp lệ của ứng cử viên thành viên HĐQT.

- Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội đồng cổ đông.

9. Những khiếu nại về bầu cử và kiểm phiếu:

Sẽ do Chủ tọa cuộc họp giải quyết và được ghi vào biên bản cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thành lập Công ty cổ phần Cấp nước Trung An.

10. Hiệu lực thi hành:

- Thể lệ bầu cử này được đọc công khai trước Đại hội đồng cổ đông và lấy ý kiến biểu quyết của các cổ đông trước khi tiến hành bầu cử.
- Nếu được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Thể lệ bầu cử này sẽ có hiệu lực thi hành bắt buộc đối với tất cả cổ đông.



Số: 179 /BC-TA-HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 5 năm 2019

BÁO CÁO TỔNG KẾT
TÌNH HÌNH KINH DOANH – ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NĂM 2018
VÀ NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH NĂM 2019

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2018

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CỦA ĐƠN VỊ:

1. Thuận lợi:

- Được sự quan tâm, chỉ đạo sâu sát của lãnh đạo Tổng Công ty, sự hỗ trợ thường xuyên và hiệu quả từ các Phòng Ban và các đơn vị thuộc Tổng Công ty;
- Sự đoàn kết nội bộ và tinh thần quyết tâm thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao của tập thể CB-CNV Công ty trong năm 2018;
- Việc mạnh dạn ứng dụng công nghệ thông tin vào các hoạt động quản trị doanh nghiệp và hoạt động sản xuất-kinh doanh như: đọc số đồng hồ nước, giám sát thi công, theo dõi mạng lưới cấp nước, chăm sóc khách hàng... đã mang lại hiệu quả cao, tăng năng suất lao động;
- Nhận được sự hỗ trợ nhiệt tình từ chính quyền địa phương và các Sở-Ngành trong công tác thỏa thuận hướng tuyến, xin phép đào đường phát triển mạng lưới, gắn mới đồng hồ nước và vận động khách hàng sử dụng nước;
- Vùng sử dụng nguồn nước của Nhà máy nước BOO Thủ Đức được mở rộng với chất lượng và áp lực nước ổn định.

2. Khó khăn:

- Từ đầu năm đến nay, Công ty Trung An đã thực hiện di dời đồng hồ nước nhằm giảm thất thoát thương mại với số lượng: 5.243 danh bộ. Bên cạnh đó, còn thực hiện nâng hộp bảo vệ đồng hồ nước lắp ngoài bất động sản do một số nơi địa phương đang thi công công trình nâng cấp các tuyến đường, hẻm (*không dự trù kinh phí nâng các hộp bảo vệ đồng hồ nước*). Công tác này phát sinh ngoài kế hoạch nhưng công ty vẫn phải thực hiện vì rất nhiều hộp bảo vệ ĐHN bị khuất lấp, âm sâu ảnh hưởng đến việc ghi nhận chính xác sản lượng nước tiêu thụ, gây ra nhiều khiếu nại của khách hàng. Đã thực hiện nâng hộp bảo vệ đồng hồ nước: 951 danh bộ. Công tác di dời ĐHN dù đã thực hiện nhưng số lượng này vẫn còn nhiều. Những trường hợp này, Công ty đã làm rất nhiều cách để tiếp cận ĐHN như: gửi thông báo, nhắn tin cho khách hàng, cắt nước,... nhưng vẫn còn rất nhiều trường hợp không tiếp cận được.
- Công ty Trung An đã tiếp nhận các trạm cấp nước từ Xí nghiệp Cấp nước Sinh hoạt nông thôn và thực hiện chuyển đổi nguồn nước phục vụ khách hàng. Tuy nhiên,

mạng lưới cấp nước tại khu vực các trạm này đa phần là đường ống cũ, thường xuyên xảy ra bể ống sau khi được đấu nối nguồn nước, nhiều đồng hồ nước đã hết niên hạn kiểm định.

- Một số dự án đã lựa chọn được nhà thầu nhưng phải chờ phối hợp với công trình làm đường (có giải phóng mặt bằng) nên chưa triển khai thi công được (2 dự án Tô Ký)

- Tổng công ty chưa phê duyệt hồ sơ mời thầu nên có một số dự án chưa thể tổ chức đấu thầu để triển khai thi công (4 dự án Hoàn thiện mạng lưới cấp nước huyện Hóc Môn đợt 3, 4, 5, 6).

- Hiện nay số lượng dự án chống ngập, giao thông, lắp đặt hạ tầng kỹ thuật do các chủ đầu tư khác triển khai trên địa bàn Công ty rất nhiều (hiện đã hơn 40 dự án và còn tăng lên trong thời gian tới) nên phát sinh khối lượng lớn công việc phải lập hồ sơ bồi thường và lập dự án tái bố trí/xử lý giao cắt tuyến ống.

- Mặc dù Công ty đã nỗ lực triển khai áp dụng nhiều giải pháp, chính sách để khuyến khích khách hàng sử dụng nước nhưng tốc độ tăng sản lượng nước tiêu thụ vẫn còn thấp so với số lượng ĐHN gắn mới, nguyên nhân như sau:

+ Người dân trên địa bàn quản lý của công ty vẫn còn thói quen sử dụng nước giếng. Hầu hết, mỗi hộ dân đều có hai nguồn nước để sử dụng trong sinh hoạt hàng ngày. Sản lượng nước tiêu thụ bình quân qua một đồng hồ còn thấp, mặc dù đơn vị đã cử cán bộ-công nhân viên phối hợp với từng Phường, Xã để tuyên truyền, vận động và phát các tờ rơi, biểu mẫu cấp định mức cho khách hàng. Số liệu thống kê tiêu thụ nước của khách hàng ở mức: 0 m³ và 1-4 m³ đến kỳ 12/2018 như sau:

Stt	Địa bàn	Tình trạng sử dụng nước	
		0 m ³	1-4 m ³
1	Quận Gò Vấp	11,48 %	17,5 %
2	Quận 12	13,87 %	18,38 %
3	Huyện Hóc Môn	30,1 %	15,66 %
Toàn địa bàn		18,37 %	17,21 %

+ Chất lượng nước và áp lực nước trên mạng lưới chưa ổn định, đặc biệt là địa bàn huyện Hóc Môn, Quận 12 (Thanh Lộc, Thanh Xuân, An Phú Đông, Hiệp Thành, Tân Thới Hiệp...).

- Công tác đầu tư xây dựng, phát triển mạng lưới cấp nước năm 2018 gặp nhiều khó khăn do các dự án phát triển mạng lưới chậm được phê duyệt để thực hiện.

- Năm 2018 số lượng đồng hồ nước được Tổng công ty nhượng không đáp ứng đủ, kịp tiến độ cho công tác thay đồng hồ nước định kỳ.

- Tốc độ đô thị hóa trên địa bàn diễn ra rất nhanh, dẫn đến các khó khăn trong việc xử lý giao cắt, di dời đường ống cấp nước và công tác cập nhật họa đồ quản lý.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2018:

* Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh:

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2017	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	Tỷ lệ (%)	
					=3/2	=3/1
					1	2
1	Nước tiêu thụ	46.648.590 m ³	52.000.000 m ³	55.227.331 m³	106,2	118,4
2	Doanh thu tiền nước	366,690 tỷ đồng	403,520 tỷ đồng	431,283 tỷ đồng	106,9	117,6
	Các chỉ tiêu khác về doanh thu:					
	- Tỷ lệ thực thu đạt	97,8 %	99 %			
	- Giá bán bình quân	7.790 đồng/m ³	7.760 đồng/m ³			
3	Gắn mới đồng hồ nước	46.766 ĐHN	20.000 ĐHN	14.014 ĐHN	70,1	30
4	Thay đồng hồ nước	23.230 ĐHN	22.010 ĐHN	16.548 ĐHN	75,2	71,2
	Trong đó:					
	+ ĐHN cỡ nhỏ	23.217 ĐH	22.000 ĐHN	16.536 ĐHN	75,2	71,2
	+ ĐHN cỡ lớn	13 ĐHN	10 ĐHN	12 ĐHN	120	92,3
5	Đầu tư xây dựng phát triển mạng lưới cấp nước:					
	- Khối lượng	17.258 m	54.613 m	839 m	1,5	4,9
	- Giá trị	33,42 tỷ đồng	84,232 tỷ đồng	3,946 tỷ đồng	4,7	11,8
6	Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch	100 %	100 %	100 %	100	100
7	Tỷ lệ nước không doanh thu	17 %	16,5 %	16,39 %	thấp hơn 0,11%	thấp hơn 0,61%
Công tác giảm thất thoát nước:						
a	Di dời ĐHN ra ngoài BDS phục vụ giảm thất thoát nước thương mại	6.293	5.000 địa chỉ	5.243 địa chỉ	104,9	83,3
b	Thay ống nhánh cũ, mục	9.861	5.000 địa chỉ	4.076 địa chỉ	51	81,5
c	Lắp đặt điểm xả cặn	237	150 điểm	201 điểm	134	84,8
d	Sửa chữa điểm xì, bể	3.068	7.000 địa chỉ	2.867 địa chỉ	41	93,4
e	Nâng hộp bảo vệ đồng hồ nước do địa phương đang thi công nâng cấp các tuyến đường, hẻm	-	-	951 địa chỉ	-	-

* Các chỉ tiêu tài chính đạt được:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2017	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	Tỷ lệ (%)	
						= 3/2	= 3/1
						1	2
1	Tổng doanh thu và các khoản thu nhập	Tỷ đồng	329,782	208,762	208,106	99,69%	63,1%
	Trong đó						
a	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tỷ đồng	329,254	207,862	206,012	99,11%	62,57%
b	Doanh thu hoạt động tài chính	Triệu đồng	312	400	299	74,75%	95,83%
c	Thu nhập khác	Triệu đồng	216	500	1,795	359 %	831,02%
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	6,362	5,500	8,245	149,91%	129,6%
3	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	Tỷ đồng	5,038	4,400	6,438	146,32%	127,79%

Bên cạnh việc hoàn thành và hoàn thành vượt các chỉ tiêu sản xuất-kinh doanh do Tổng công ty giao, trong năm 2018 Công ty đã tiếp tục tập trung cải tiến thủ tục hành chính, mạnh dạn ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ để từng bước nâng cao quản trị doanh nghiệp, nâng cao chất lượng dịch vụ phục vụ khách hàng, một số nội dung cụ thể như sau:

1. Từ khi đưa vào hoạt động Trung tâm Chăm sóc khách hàng 24/7 (Call Center) (bắt đầu năm 2017) công ty đã tiếp nhận trong năm 2018: **38.355** cuộc gọi của khách hàng, giải đáp trực tiếp những khiếu nại, thắc mắc của khách hàng... Trong quá trình triển khai mô hình này đã tạo những thuận lợi cho khách hàng và bộ phận nghiệp vụ của công ty như sau:

+ Thông tin tiếp nhận từ khách hàng được giải quyết rõ ràng, cụ thể, nhanh chóng và hạn chế thời gian đi lại cũng như liên lạc nhiều lần cho khách hàng. Thời gian trực liên tục và xuyên suốt trong và ngoài giờ làm việc tạo điều kiện cho khách hàng có thể liên hệ bất cứ lúc nào khi cần giải đáp hoặc giải quyết các vấn đề liên quan đến đồng hồ nước.

+ Sự phối hợp của các Phòng, Ban, Đội góp phần giải quyết nhanh các thông tin chuyển trên hệ thống, xử lý kịp tiến độ. Các buổi thảo luận chuyên môn với các phòng, ban hỗ trợ rất nhiều cho các tổng đài viên nắm bắt thêm nghiệp vụ chuyên môn, giải thích được rất nhiều trường hợp cho khách hàng mà không cần xuống hiện trường thực tế.

Mô hình này đã được chọn để giới thiệu và chia sẻ kinh nghiệm với các đơn vị cấp nước trong Tổng công ty và cả những đơn vị cấp nước tại các Tỉnh, Thành phố khác.

2. Xây dựng và đưa vào hoạt động Ứng dụng chăm sóc khách hàng My Tawaco (iOS và Android). Ứng dụng My tawaco tích hợp đầy đủ tiện ích nhất cho khách hàng từ lúc nộp đơn gắn mới đồng hồ nước đến lúc đồng hồ nước được đưa vào sử dụng.

Ứng dụng có các chức năng chính như: xem thông tin lượng nước sử dụng và hóa đơn tiền nước sử dụng hàng tháng; xem lịch đọc chỉ số nước và lịch thu tiền nước; báo chỉ số nước hoặc báo bể; xem các thông tin về định mức, cách thức đăng ký và đăng ký trực tuyến từ ứng dụng này; các thông tin đối tác thu hộ tiền nước cho công ty; nhận được tin báo cúp nước, nước yếu hay tin về ngành nước... Qua thời gian hoạt động, ứng dụng My Tawaco đã góp phần nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng; giảm tải cho Trung tâm 24/7 khi khách hàng đã có các yêu cầu trên ứng dụng; các thông tin đến khách hàng kịp thời bằng tin nhắn dữ liệu, giảm tin nhắn điện thoại của Công ty; tạo tiền đề cho các thanh toán điện tử triển khai sau này.

3. Thực hiện tái cấu trúc các bộ phận nghiệp vụ nhằm hợp lý hóa lộ trình tác nghiệp của các bộ phận (đọc số, thu tiền, thi công, tu bổ...), qua đó góp phần tiết kiệm được thời gian tác nghiệp, tiết kiệm được nhiên liệu, hạn chế tuyển dụng lao động mới và tăng năng suất lao động;

4. Đàm phán và đẩy nhanh thực hiện thu tiền nước qua các kênh thu hộ (hệ thống các ngân hàng, VTC365, ECPay...) nhằm gia tăng tiện ích cho khách hàng trong thanh toán tiền nước.

III. NHẬN XÉT KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2018

Bên cạnh những thuận lợi và kết quả thực hiện đạt được như trên, Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An còn tồn tại những vấn đề cần giải quyết như sau:

1. Diện tích quản lý theo phân vùng tách mạng chỉ mới đạt hơn 50% so với toàn bộ địa bàn quản lý mạng lưới cấp nước;

2. Chất lượng nước và áp lực nước chưa ổn định, hiện tượng nước đục cục bộ vẫn còn xảy ra gây ảnh hưởng việc hoạt động kinh doanh của công ty;

3. Nhiều doanh nghiệp trong quá trình hoạt động sản xuất-kinh doanh chưa hoàn toàn sử dụng nguồn nước máy cho sản xuất (vẫn còn sử dụng nguồn nước giếng công nghiệp phục vụ sản xuất).

B. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH NĂM 2019

1. MỤC TIÊU:

- Tiếp tục duy trì tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch đạt 100%;
- Triển khai đồng bộ các giải pháp chống thất thoát nước và duy trì tỷ lệ giảm thất thoát nước ở mức hợp lý (dưới 15,5%);
- Hiện đại hóa trang thiết bị, kỹ thuật quản lý mạng lưới đường ống;
- Bảo đảm chất lượng nước sạch cho các nhu cầu sinh hoạt, sản xuất, dịch vụ theo các tiêu chuẩn quy định của nhà nước;
- Cải cách thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng;
- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng khoa học-công nghệ vào công tác quản trị doanh nghiệp, quản trị sản xuất.

2. NHIỆM VỤ CHỦ YẾU:

- Tiếp tục thực hiện công tác phát triển mạng lưới và gắn mới đồng hồ nước phù hợp tiến độ phát triển dân cư, đô thị tại địa bàn quản lý;
- Tiếp tục thực hiện công tác thay đồng hồ nước theo định kỳ;
- Thực hiện đồng bộ các giải pháp giảm nước thất thoát thất thu đáp ứng yêu cầu giảm tỷ lệ thất thoát nước, như:

- Tiếp tục thực hiện công tác thiết lập DMA;
- Di dời đồng hồ nước ra ngoài bất động sản có gắn hộp bảo vệ phục vụ giảm nước thất thoát thương mại;
- Thay ống nhánh cũ mục theo kết quả dò tìm bể ngầm, xi bể nổi, kết hợp với công tác cải tạo ống mục;
- Thay ống nhánh chuyển đổi đường ống cấp nước tại khu vực các trạm cấp nước trên địa bàn Quận 12 và Huyện Hóc Môn;
 - Thiết kế và thi công các hầm xả kịp thời cho công tác xả nước nhằm đảm bảo ổn định chất lượng nước;
 - Tiếp tục hoàn thiện cơ sở hạ tầng và ứng dụng CNTT phục vụ hoạt động kinh doanh, nghiệp vụ quản lý;
 - Tiếp tục hoàn thiện bộ máy tổ chức, nâng cao năng suất lao động và cải thiện thu nhập cho CBCNV...
 - Tiếp tục công tác vận động người dân sử dụng nước sạch.

3. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH NĂM 2019

Trên cơ sở thực tế năm 2018 và dự báo tình hình năm 2019, Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh, đầu tư xây dựng năm 2019, cụ thể như sau:

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2019	KH2019/2018 TH(%)	GHI CHÚ
A. SẢN XUẤT - KINH DOANH					
1	Nước tiêu thụ	m ³	63.500.000	114,98	
2	Thu tiền nước	Triệu đồng	493.522	114,44	Giá bán BQ = 7.722 đ/m ³
3	Gắn mới đồng hồ nước	cái	9.000	64,22	
4	Thay đồng hồ nước cỡ nhỏ	cái	20.000	120,95	
5	Thay đồng hồ nước cỡ lớn	cái	18	150,00	
6	Thay đồng hồ nước định kỳ cho khách hàng thuộc địa bàn trạm cấp nước do XNCNSHNT bàn giao	cái	5.000	-	
7	Dự trữ cho trường hợp ĐHN bị ngưng	cái	1.500	-	
8	Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch	%	100,00	100,00	
9	Tỷ lệ nước thất thoát thất thu	%	15,50	-	- Giảm 0,899% so bình quân năm 2018 (16,39%)
B. CÔNG TÁC GIẢM NƯỚC THẤT THOÁT THẤT THU:					
	B1. Công tác quản lý mạng lưới:				
1	* Thay ống nhánh cũ mục, thay đai PVC	cái	8.000	196,27	

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2019	KH2019/2018 TH(%)	GHI CHÚ
2	* Thay ống nhánh chuyên đổi đường ống cấp nước tại khu vực các trạm cấp nước trên địa bàn Quận 12 và Huyện Hóc Môn	cái	1.300	-	
3	* Dời ĐHN có gắn hộp bảo vệ phục vụ công tác giám nước thất thoát thương mại	cái	8.000	152,58	
4	* Lắp đặt điểm xả cạn	hầm	200	99,50	
5	* Nâng ĐHN do bị âm sâu, khuất lấp, vỡ hộp bảo vệ ĐHN hoặc địa phương nâng cấp các tuyến đường, hẻm	cái	5.940	624,61	
6	* Sửa chữa bể, sự cố, rò rỉ, tái lập mặt đường, coi van, sửa chữa hầm đồng hồ bị sự cố	vị trí	7.000	229,51	
7	* Duy tu, bảo trì bảo dưỡng hầm đồng hồ tổng, ĐHT, tủ tín hiệu	hầm	51	-	
		tủ tín hiệu	5		
8	* Xử lý các trường hợp giao cắt với các công trình khác, thay van hư hỏng hiện có trên các DMA	vị trí	115	-	
	- Xử lý giao cắt P100	vị trí	60		
	- Xử lý giao cắt P150	vị trí	40		
	- Xử lý giao cắt P200	vị trí	15		
9	* Dự trữ vật tư dự phòng thay thế tủ tín hiệu, nắp hầm ĐHT trường hợp bị sự cố	cái	48	-	- Nắp hầm ĐHT 45 cái; tủ tín hiệu 03 cái
B2. Trang bị thiết bị phục vụ công tác giám thất thoát nước					Năm 2018 không thực hiện
10	Mua sắm pin ĐHT, pin thiết bị ghi nhận dữ liệu, dây cáp truyền tín hiệu	cái	40	-	- Pin ĐHT 20 cái; Pin Data 20 cái
11	Kiểm định ĐHT hết hạn	cái	20	-	
12	Mua sắm thay thế ĐHT, bộ hiển thị đồng hồ, datalogger hư hỏng phục vụ công tác giám thất thoát nước	bộ	3	-	
13	Mua sắm thiết bị dò tìm khuyến đại	bộ	2	-	

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2019	KH2019/2018 TH(%)	GHI CHÚ
14	Mua sắm thiết bị dò tìm cầm tay (leakpen)	bộ	4	-	
15	Mua sắm thiết bị dò tìm van	bộ	2	-	
16	Mua sắm thiết bị định vị vệ tinh	bộ	1	-	
C. ĐẦU TƯ XÂY DỰNG					Chi tiết theo danh mục đính kèm
1	Phát triển mạng lưới cấp nước				
	- Khối lượng	mét	25.851	3081,17	
	- Giá trị khối lượng	triệu đồng	25.543	2011,26	
	- Giá trị giải ngân	triệu đồng	14.293	362,21	
2	Đầu tư ống mục				
	- Khối lượng	mét	5.173	-	Thay thế cho tuyến ống của các trạm cấp nước do XN CN sinh hoạt nông thôn bàn giao cho Công ty.
	- Giá trị khối lượng	triệu đồng	5.865	-	
	- Giá trị giải ngân	triệu đồng	5.228	-	
3	Di dời, xử lý giao cắt tuyến ống				
	- Khối lượng	mét	111	-	
	- Giá trị khối lượng	triệu đồng	724	-	
	- Giá trị giải ngân	triệu đồng	724	-	
4	Sửa chữa ống mục				
	- Khối lượng	mét	2.315	-	
	- Giá trị khối lượng	triệu đồng	9.536	-	
	- Giá trị giải ngân	triệu đồng	4.691	672,06	
5	Chi phí giảm nước thất thoát thất thu				
	- Giá trị khối lượng	triệu đồng	-	25,322	KH 2019 phụ thuộc vào HĐ giảm nước không doanh thu nhưng hiện nay Tcty chưa ký nên chưa có số liệu.
	- Giá trị giải ngân	triệu đồng	-	-	
6	Di dời hệ thống cấp nước;				
	- Khối lượng	mét	419	-	
	- Giá trị khối lượng	triệu đồng	1.264	-	
	- Giá trị giải ngân	triệu đồng	1.440	22,88	

Các chỉ tiêu tài chính như sau:

STT	CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN (đồng)	KH 2019/TH 2018
1	Tổng doanh thu	158.575.000.000	73%

STT	CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN (đồng)	KH 2019/TH 2018
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	7.150.000.000	107%
3	Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN	5.720.000.000	110%
4	Chia cổ tức	7% đến 9%	

4. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

4.1. Giải pháp về quản lý:

- Tiếp tục thực hiện ký hợp đồng với các kênh thu hộ tiền nước, vận động khách hàng sử dụng nước, liên hệ chặt chẽ với chính quyền địa phương để vận động người dân, đặc biệt là các đơn vị sự nghiệp trong việc sử dụng nước. Tập trung chỉ đạo việc tăng sản lượng, tăng doanh thu, tăng giá bán bình quân, giảm hóa đơn bằng 0;

- Tiếp tục tái cấu trúc tổ chức bộ máy công ty theo hướng phân vùng quản lý mạng lưới (thành lập 03 Đội Thi công-Tu bổ, mỗi đơn vị phụ trách quản lý mạng lưới một quận/huyện), phân vùng quản lý khách hàng (thành lập 03 Phòng Giao dịch cấp nước để phụ trách quản lý khách hàng 03 quận/huyện) với mục đích gia tăng chất lượng dịch vụ phục vụ khách hàng, kịp thời khắc phục các sự cố cấp nước;

- Sắp xếp, bố trí công việc theo mảng, chuỗi; mở rộng việc khoán lương cho các bộ phận trực tiếp; lượng hóa các công việc và khoán chỉ tiêu cho các bộ phận/phòng ban;

- Phát động các phong trào thi đua để khuyến khích CBCNV nâng cao năng suất làm việc và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

- Tiếp tục phối hợp chặt chẽ với địa phương trong công tác vận động tuyên truyền các đối tượng có khả năng sử dụng nước nhiều như: trường học, nhà máy, các cơ quan hành chính sự nghiệp, khu công nghiệp;

4.2. Giải pháp về kỹ thuật:

- Lập tiến độ và phân công chi tiết công tác hoàn thiện các DMA, tăng cường kiểm tra, quản lý chặt chẽ mạng lưới, sửa chữa kịp thời, chống gian lận thương mại nhằm giảm nước thất thoát thất thu một cách bền vững;

- Tiếp tục phối hợp với Xí nghiệp Truyền dẫn nước sạch thường xuyên súc xả trên mạng cấp 1, 2 và 3 để đảm bảo chất lượng nước;

- Tiếp tục đầu tư, nâng cấp phần cứng và hoàn thiện cơ sở dữ liệu, phần mềm các chương trình: Quản lý giám sát thi công bằng điện thoại di động, hình chụp vị trí thi công có tọa độ GPS; hoàn chỉnh hệ thống phần mềm sử dụng liên thông các công tác của các phòng ban trong công ty; hoàn chỉnh hệ thống đọc số - thu tiền bằng điện thoại di động; cập nhật đầy đủ các công trình cấp nước, đồng hồ nước, đường ống v.v...trên hệ thống tọa độ GIS. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc, đi đôi với tiết kiệm chi phí (văn phòng phẩm, nhân công...);

- Liên hệ chặt chẽ Phòng Kỹ thuật-Công nghệ Tổng Công ty để áp dụng các tiêu chuẩn kỹ thuật mới vào yêu cầu vật tư, nhằm tăng cường chất lượng vật tư thi công.

4.3. Giải pháp về nguồn nhân lực:

- Đào tạo và đào tạo lại lực lượng nhân viên kỹ thuật cập nhật các kỹ thuật, công nghệ mới liên quan đến ngành nước.
- Tổ chức các khóa học kỹ năng giao tiếp khách hàng cho các nhân viên đọc số, thu tiền, kiểm tra nhằm góp phần nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng.

5. KIẾN NGHỊ

Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An kiến nghị Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn những kiến nghị như sau:

- Đẩy nhanh công tác ký hợp đồng gắn đồng hồ nước và hợp đồng giảm thất thoát nước năm 2019 để tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty Trung An triển khai nhiệm vụ;
- Giải quyết dứt điểm tình trạng nước đục, nhất là trên địa bàn huyện Hóc Môn.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Quý cổ đông;
- Ban TGD Tcty (để báo cáo);
- Đảng ủy, HDQT, Ban GD Cty (để báo cáo);
- Lưu.



Số: 180 /BC-TA-HĐQT

TP.HCM, ngày 16 tháng 5 năm 2019

DỰ THẢO

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2018
VÀ ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2019**

I. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên hiện tham gia vào Hội đồng quản trị công ty gồm:

- Bà Võ Thị Hồng Hà – Chủ tịch HĐQT
- Ông Hoàng Thế Bảo – Thành viên kiêm Giám đốc
- Ông Dương Hồng Đệ - Thành viên.
- Ông Võ Nhật Trân – Thành viên (được bầu ngày 25/4/2017).
- Ông Nguyễn Thanh Phong – Thành viên (được bầu ngày 25/4/2017).

2. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

Trong năm 2018, Hội đồng quản trị đã tổ chức 05 phiên họp với đầy đủ các thành viên HĐQT, ngoài ra còn có 04 lần xin ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản, qua đó HĐQT đã ban hành 09 Nghị quyết, 09 Quyết định để chỉ đạo kịp thời các vấn đề thuộc trách nhiệm của HĐQT, cụ thể như sau:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
I. Nghị quyết của Hội đồng quản trị:			
1	20/NQ-TA-HĐQT	05/02/2018	NQ phiên họp lần thứ 14 của HĐQT về quỹ lương và lao động
2	21/NQ-TA-HĐQT	05/02/2018	NQ phiên họp lần thứ 14 của HĐQT về các vấn đề SXKD
3	22/NQ-TA-HĐQT	06/03/2018	NQ tổ chức ĐH cổ đông năm 2018
4	23/NQ-TA-HĐQT	29/03/2018	NQ phiên họp lần thứ 15 của HĐQT về quỹ tiền lương Kế hoạch năm 2018 và thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2018
5	24/NQ-TA-HĐQT	29/03/2018	NQ phiên họp lần thứ 15 về việc

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
			<ul style="list-style-type: none"> - thông qua nội dung chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018; - thống nhất về việc chọn Cty kiểm toán thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018 cho Cty; thống nhất kế hoạch mua vật tư phục vụ công tác gắn mới, thay đồng hồ nước, dờn đồng hồ nước và thay ống ngánh năm 2018.
6	25/NQ-TA-HĐQT	21/06/2018	<p>NQ phiên họp lần thứ 16 về việc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - thống nhất điều chỉnh quy chế tài chính Cty; - thống nhất giao Giám đốc Cty thương thảo và ký tất cả các hợp đồng giao dịch đối với TCT CN SG để thực hiện nhiệm vụ SXKD - hoàn thiện công tác quyết toán chuyển thể - chia quỹ thưởng ban điều hành năm 2017 - trình phương án tái cấu trúc bộ máy Cty - báo cáo toàn bộ quá trình đầu tư, xây dựng trụ sở làm việc Cty tại trạm CN đường 9, P9, Q.GV
7	26/NQ-TA-HĐQT	15/10/2018	<p>NQ phiên họp lần thứ 17 về việc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - triển khai tăng vốn điều lệ Cty - thống nhất mua 5.000 ĐHN cấp C - thực hiện sửa chữa nhà kho phù hợp với phương án cấp nước an toàn. Nguồn vốn thực hiện là nguồn vốn Cty.
8	27/NQ-TA-HĐQT	29/10/2018	<p>NQ phiên họp lần thứ 18 về việc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - tiếp tục triển khai việc sửa chữa, cải tạo trạm cấp nước Gò Vấp làm văn phòng làm việc cho Cty - hoàn thiện kế hoạch tài chính năm 2018 - gắn mới đồng hồ nước có thu phí - dờn đồng hồ nước ra ngoài bất động sản - thực hiện hợp đồng dịch vụ với Tổng Cty về cắt hủy danh bộ, nâng ĐHN, cắt nước... - không thực hiện việc mua sắm 5.000 ĐHN cấp C

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
			- thống nhất kiểm tra chứng từ chọn mẫu định kỳ hàng quý để giúp đơn vị hoạt động đúng quy định.
9	28/NQ-TA-HĐQT	21/12/2018	NQ vv lấy ý kiến của HĐQT Cty về mua xe 15 chỗ để thay thế xe Toyota Hiace BS: 51B-03585
II. Quyết định của Hội đồng quản trị:			
1	23/QĐ-TA-HĐQT	15/01/2018	điều chỉnh KH lao động quỹ tiền lương và quỹ thù lao KH năm 2017
2	24/QĐ-TA-HĐQT	24/04/2018	ban hành điều lệ sửa đổi Cty CPCN TA
3	25/QĐ-TA-HĐQT	24/04/2018	ban hành quy chế quản trị nội bộ Cty CPCN TA
4	26/QĐ-TA-HĐQT	22/06/2018	ban hành quy chế tài chính sửa đổi lần 2
5	26A/QĐ-TA-HĐQT	22/06/2018	về phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật XD CT & kế hoạch lựa chọn nhà thầu. CT: sửa chữa, cải tạo nhà kho thành nhà làm việc và điều hành Cấp nước
6	27/QĐ-TA-HĐQT	13/08/2018	ban hành điều lệ Cty CPCN TA (sửa đổi lần 5)
7	28/QĐ-TA-HĐQT	27/08/2018	về phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật XD CT & kế hoạch lựa chọn nhà thầu. CT: sửa chữa, cải tạo nhà kho thành nhà làm trạm tiếp nhận thông tin và giải quyết sự cố Cấp nước
8	29/QĐ-TA-HĐQT	23/10/2018	về phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật XD CT & kế hoạch lựa chọn nhà thầu. CT: sửa chữa, cải tạo nhà kho chứa vật tư sửa bể và phòng trực đội TCTB
9	30/QĐ-TA-HĐQT	21/11/2018	VV ban hành điều lệ Cty CPCNTA (sửa đổi lần thứ 6)

Các thành viên HĐQT không trực tiếp tham gia điều hành đều tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị, và đóng góp ý kiến các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT theo quy định tại Điều lệ và Quy chế hoạt động Công ty.

* Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành: Công ty hiện chưa có thành viên HĐQT độc lập

3. Kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Stt	Chủ trương của ĐHĐCĐ	Kết quả thực hiện
1	Kế hoạch sản xuất kinh doanh và tài chính năm 2018	Công ty đã hoàn thành đa số các chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch tài chính

Stt	Chủ trương của ĐHĐCĐ	Kết quả thực hiện
		năm 2018 (nội dung chi tiết theo báo cáo của Giám đốc Công ty).
2	Thực hiện chi trả cổ tức năm 2018	Xin ý kiến Hội đồng quản trị
3	Lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2018	Đã chọn Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC là đơn vị kiểm toán BCTC năm 2018.
4	Sửa đổi Điều lệ về việc chuyển địa chỉ trụ sở chính của Công ty	Đã thực hiện sau khi thay đổi trụ sở làm việc của Công ty

II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TRONG NĂM 2018

1. Tổng quan

Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An là Doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước – Công ty TNHH MTV Cấp nước Trung An, theo Quyết định số 4242/QĐ-UBND ngày 26 tháng 08 năm 2014 của UBND thành phố Hồ Chí Minh. Năm 2018 là năm thứ tư Công ty Cổ Phần Cấp Nước Trung An (Cty Trung An) hoạt động theo mô hình Công ty Cổ Phần. Hiện nay, Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên nắm giữ 65% vốn điều lệ; cổ đông Nguyễn Thanh Phong nắm giữ 15,85% vốn điều lệ; cổ đông Hồ Lê Minh nắm giữ 14,53% vốn điều lệ; còn lại 4,62% là của một số cổ đông cá nhân bên ngoài và của một số CB-CNV làm việc tại công ty.

Trong năm 2018, Cty Trung An tiếp tục cải tiến và ngày càng nâng cao chất lượng dịch vụ cấp nước, tình hình tài chính của Công ty phát triển lành mạnh, hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch tài chính; nguồn vốn được bảo toàn và ngày càng phát triển.

Bên cạnh những điều kiện thuận lợi, công ty cũng có nhiều khó khăn như:

- Hiện tượng nước có màu vẫn còn xảy ra, đặc biệt là địa bàn Huyện Hóc Môn, ảnh hưởng đến việc tiêu thụ nước của khách hàng dẫn đến sản lượng tiêu thụ chưa tương xứng với số lượng khách hàng hiện có.
- Trong năm, Tổng Công ty hầu như không phê duyệt việc thực hiện các dự án phát triển mạng lưới dẫn đến việc phát triển khách hàng bị chững lại so với những năm trước.
- Mặc dù Công ty đã phối hợp với địa phương, với Sở Tài nguyên môi trường và các phương tiện truyền thông vận động khách hàng trám lấp giếng để sử dụng nước sạch để đảm bảo sức khỏe nhưng sự chuyển biến chưa nhiều, dẫn đến tỉ lệ hộ dân ít sử dụng nước sạch (từ 0-4m³) vẫn còn ở mức cao (theo số liệu kỳ 12, tỉ lệ này là 35,19%) cho dù tỷ lệ này có thấp hơn với cùng kỳ là 4,22%.

2. Những kết quả đạt được

2.1. Kết quả sản xuất kinh doanh chủ yếu:

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2017	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	Tỷ lệ (%)	
					=3/2	=3/1
					1	2
A. Sản xuất kinh doanh						
1	Nước tiêu thụ	46.648.590 m ³	52.000.000 m ³	55.227.331 m³	106,2	118,4
2	Tiền nước thu được (thu hộ Tcty) <i>Các chỉ tiêu khác về tiền nước:</i> - Tỷ lệ thực thu đạt - Giá bán bình quân	366,690 tỷ đồng 97,8 % 7.790 đ/m ³	403,520 tỷ đồng 99 % 7.760 đ/m ³	431,283 tỷ đồng 97,54% 7.763 đồng/m ³	106,9	117,6
3	Gắn mới đồng hồ nước	46.766 ĐHN	20.000 ĐHN	14.014 ĐHN	70,1	30
4	Thay đồng hồ nước <i>Trong đó:</i> + ĐHN cỡ nhỏ + ĐHN cỡ lớn	23.230 ĐHN 23.217 ĐH 13 ĐHN	22.010 ĐHN 22.000 ĐHN 10 ĐHN	16.548 ĐHN 16.536 ĐHN 12 ĐHN	75,2 75,2 120	71,2 71,2 92,3
5	Đầu tư xây dựng phát triển mạng lưới cấp nước: - Khối lượng - Giá trị	17.258 m 33,42 tỷ đồng	54.613 m 84,232 tỷ đồng	839 m 3,946 tỷ đồng	1,5 4,7	4,9 11,8
6	Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch	100%	100%	100%	100	100
7	Tỷ lệ nước không doanh thu	17 %	16,5 %	16,39 %	thấp hơn 0,2 %	thấp hơn 0,7%

B. Tài chính

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2017	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	Tỷ lệ (%)	
						= 3/2	= 3/1
						1	2
1	Tổng doanh thu và các khoản thu nhập	Tỷ đồng	329,782	208,762	208,106	99,69%	63,1%
	Trong đó						
a	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tỷ đồng	329,254	207,862	206,012	99,11%	62,57%
b	Doanh thu hoạt động tài chính	Triệu đồng	312	400	299	74,75%	95,83%
c	Thu nhập khác	Triệu đồng	216	500	1,795	359 %	831,02%
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	6,362	5,500	8,245	149,91%	129,6%
3	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	Tỷ đồng	5,038	4,400	6,438	146,32%	127,79%

Dự kiến phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2018

Đơn vị tính: Đồng

DIỄN GIẢI	SỐ BÁO CÁO		CỘNG	Ghi chú
	Năm 2017	Năm 2018		
Lợi nhuận sau thuế TNDN chưa phân phối	1.254.007.743*	6.438.338.407	7.692.346.150	100%
Lợi nhuận còn để lại chưa phân phối	-	614.168.765	614.168.765	7,98%
Quỹ đầu tư phát triển		978.177.385	978.177.385	12,72%
Quỹ khen thưởng	308.360.504	1.191.639.496	1.500.000.000	19,50%
Quỹ phúc lợi	61.697.181	238.302.819	300.000.000	3,90%
Quỹ thưởng Ban QLĐH	61.697.181	238.302.819	300.000.000	3,90%
Cổ tức (8%)	822.252.877	3.177.747.123	4.000.000.000	52%

* Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2017 được bổ sung tăng thêm 1.254.007.743 đồng theo thông báo kết quả kiểm toán tại Công ty Cổ phần Cấp

nước Trung An số 21/TB-KV IV ngày 08/01/2019 của Kiểm toán Nhà nước Khu vực IV.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Cấp nước Trung An trong năm 2018 đều đạt được kết quả khả quan, đa số các chỉ tiêu SXKD, tài chính đều đạt và vượt so với kế hoạch (sản lượng, doanh thu tiền nước thu được đều tăng trên 16%). Công tác giảm nước không doanh thu đã thu được những kết quả tốt khi giảm tỷ lệ thất thoát bình quân năm 2018 xuống còn 16,37% (giảm 0,7% so với năm 2017).

Những tồn tại, hạn chế cần khắc phục:

- Tỷ lệ thất thoát nước bình quân năm 2018 đã giảm 0,7% so với năm 2017, tuy nhiên để duy trì và tiếp tục hạ thấp tỷ lệ này thì cần phải đẩy nhanh tiến độ xây dựng thêm các DMA (trong năm 2018 công tác này thực hiện còn chậm).

- Việc phát triển khách hàng với số lượng cao trong nhiều năm qua (số lượng khách hàng hiện nay của Công ty gần 330.000 khách hàng) là nỗ lực rất lớn của toàn thể Ban lãnh đạo điều hành cũng như CB CNV Công ty, tuy nhiên tỉ lệ khách hàng sử dụng từ 0-4m³ chưa giảm nhiều do thói quen sử dụng nước giếng lâu đời của người dân trên địa bàn Công ty quản lý dẫn đến hiệu quả của nguồn vốn đầu tư chưa cao; sản lượng và doanh thu chưa được như kỳ vọng.

III. THÙ LAO VÀ CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BKS, THƯ KÝ CÔNG TY

Đối với thù lao của thành viên HĐQT và Ban kiểm soát **không chuyên trách**: Đã được thông qua Đại hội đồng cổ đông, cụ thể như sau:

STT	Họ và tên	Chức danh	Thù lao (đồng/tháng)	Thực lãnh (đồng/năm)	Ghi chú
A	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ			240.000.000	
01	Hoàng Thế Bảo	TV HĐQT	5.000.000	60.000.000	
02	Dương Hồng Đệ	TV HĐQT	5.000.000	60.000.000	
03	Võ Nhật Trân	TV HĐQT	5.000.000	60.000.000	
04	Nguyễn Thanh Phong	TV HĐQT	5.000.000	60.000.000	
B	BAN KIỂM SOÁT			84.000.000	
STT	Họ và tên	Chức danh			Ghi chú
01	Nguyễn Thị Bảo Châu	TV BKS	3.500.000	42.000.000	
02	Nguyễn Ngọc Lương	TV BKS	3.500.000	42.000.000	
C	THƯ KÝ CÔNG TY				
01	Nguyễn Minh Hải	Thư ký	2.000.000	24.000.000	

IV. HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT ĐỐI VỚI BAN GIÁM ĐỐC

- Hàng tuần, Chủ tịch Hội đồng quản trị đều tham gia các cuộc họp giao ban định kỳ với Ban Giám đốc và cán bộ chủ chốt của Công ty và một số cuộc họp quan trọng khác để bám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh tại đơn vị, và đánh giá việc triển khai thực hiện các chủ trương, Nghị quyết của Hội đồng quản trị;

- Tại các cuộc họp Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty đều có báo cáo về tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính và những công việc cần giải trình theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

- Trong năm, Hội đồng quản trị đã thông qua tờ trình tái cơ cấu tổ chức bộ máy của Giám đốc Công ty cho phù hợp thực tế và thuận lợi cho công tác quản lý.

V. CÁC NỘI DUNG KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN HĐQT, BKS, BDH

1. Trong năm 2018, tình hình cơ cấu cổ đông lớn của Công ty thay đổi, Hội đồng quản trị đã có ý kiến đề 01 cổ đông lớn ứng cử thành viên Hội đồng quản trị và đã báo cáo cổ đông chiếm 65% vốn chi phối (Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn) để có thể tổ chức bầu bổ sung 01 thành viên Hội đồng quản trị tại Đại hội cổ đông năm 2019.

2. Trong năm 2018 tại Công ty không có sự thay đổi về nhân sự Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành. Danh sách thành viên HĐQT, Ban kiểm soát và Ban điều hành hiện tại như sau:

2.1. Thành viên HĐQT

- Bà Võ Thị Hồng Hà (Chủ tịch HĐQT). Thời gian bổ nhiệm từ ngày 01/01/2015.
- Ông Hoàng Thế Bảo (TV HĐQT). Thời gian bổ nhiệm từ ngày 22/12/2016.
- Ông Dương Hồng Đệ (TV HĐQT). Thời gian bổ nhiệm từ ngày 01/01/2015.
- Ông Võ Nhật Trân (TV HĐQT). Thời gian bổ nhiệm từ ngày 25/4/2017.
- Ông Nguyễn Thanh Phong (TV HĐQT). Thời gian bổ nhiệm từ ngày 25/4/2017.

2.2. Thành viên BKS:

- Bà Phan Kim Phượng (Trưởng ban KS). Thời gian bổ nhiệm từ ngày 25/4/2017.
- Bà Nguyễn Thị Bảo Châu (TV Ban KS). Thời gian bổ nhiệm từ ngày 25/4/2017.
- Ông Nguyễn Ngọc Lương (TV Ban KS). Thời gian bổ nhiệm từ ngày 25/4/2017.

2.3. Ban điều hành:

* Chức vụ Giám đốc công ty.

- Ông Hoàng Thế Bảo. Thời gian bổ nhiệm từ ngày 22/12/2016.

* Chức vụ Phó Giám đốc công ty.

- Ông Võ Khánh Toàn. Thời gian bổ nhiệm từ ngày 01/01/2015.
- Ông Trần Ngọc Hòa. Thời gian bổ nhiệm từ ngày 04/01/2016.

VI. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2019

Năm 2019, Hội đồng quản trị tập trung vào các vấn đề sau:

- Chỉ đạo và giám sát Ban điều hành trong việc triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính năm 2019 do Đại hội đồng cổ đông giao, phấn đấu hoàn thành vượt mức kế hoạch.

- Tập trung nguồn lực giảm nước thất thoát thất thu một cách bền vững; tăng sản lượng nước tiêu thụ, tăng doanh thu, giảm hóa đơn không sử dụng; tăng giá bán bình quân; nỗ lực cải tiến thủ tục hành chính; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý, tăng năng suất lao động.

- Phấn đấu xây dựng bộ tiêu chuẩn ISO 9001 trong Công ty.

- Lập kế hoạch tài chính và sử dụng nguồn vốn đúng mục đích, hiệu quả.

- Tối đa hóa lợi ích của cổ đông.

Để đạt được các chỉ tiêu đã đề ra, Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục nỗ lực trong việc định hướng chiến lược phát triển của công ty, tăng cường công tác quản trị, hỗ trợ Ban điều hành nhằm đạt được hiệu quả cao trong sản xuất kinh doanh, cũng như đạt được độ an toàn và hiệu quả cao nhất cho đồng vốn đầu tư của quý cổ đông.

Nơi nhận:

- Quý cổ đông;
- HĐQT, BKS;
- Lưu.



Số : 07/BC-TA-BKS

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 05 năm 2019



BÁO CÁO

HOẠT ĐỘNG BAN KIỂM SOÁT NĂM 2018
KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2019

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRUNG AN

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH 12 được Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2010;
- Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ về tổ chức và hoạt động Công ty Cổ Phần Cấp Nước Trung An quy định nhiệm vụ, trách nhiệm và quyền hạn của Ban Kiểm soát;
- Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Công Ty Cổ phần Cấp Nước Trung An;
- Tình hình sản xuất kinh doanh, Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty Cổ Phần Cấp Nước Trung An đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC thực hiện.

Ban Kiểm Soát (BKS) kính trình Đại hội đồng cổ đông tình hình hoạt động của BKS và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công Ty Cổ phần Cấp Nước Trung An năm 2018 với các nội dung như sau:

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2018

1. Thành viên Ban Kiểm Soát

Nhân sự Ban Kiểm Soát trong năm 2018 gồm 03 thành viên, theo Nghị quyết số 03/NQ-TA-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2017 các thành viên Ban Kiểm Soát hiện nay đang nhiệm có 01 thành viên chuyên trách :

- | | |
|---------------------------|--------------|
| 1. Bà Phan Kim Phượng | - Trưởng Ban |
| 2. Bà Nguyễn Thị Bảo Châu | - Thành viên |
| 3. Ông Nguyễn Ngọc Lương | - Thành viên |

2. Hoạt động của Ban Kiểm Soát

Trên cơ sở quy định quyền và trách nhiệm của Ban Kiểm soát được quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty Cổ Phần Cấp Nước Trung An, BKS thay mặt Đại hội

đồng cổ đồng thực hiện giám sát các hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của công ty chủ yếu sau:

- Giám sát Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và cán bộ quản lý khác trong hoạt động quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

- Thẩm định báo cáo tài chính quý, bán niên và báo cáo tài chính năm của Công ty; đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty;

- Tham gia thảo luận và có ý kiến về các báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính, về định hướng, kế hoạch liên quan đến tình hình kinh doanh Công ty;

- Đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán, soát xét Báo cáo tài chính cho năm tài chính;

- Thảo luận kiểm toán viên độc lập về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ kết quả kiểm toán bán niên và cuối kỳ.

- Trong các cuộc họp của HĐQT, BKS tham dự đầy đủ, nhận định và góp ý kịp thời về tình hình kinh doanh, tài chính để hoàn thiện cơ chế chính sách điều hành của Công ty;

- Tham gia ý kiến về các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế quản trị, Quy chế tài chính của Công ty;

- Thường xuyên theo dõi việc triển khai và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính của Công ty;

- Thực hiện các công việc khác theo thẩm quyền của BKS được quy định theo pháp luật hiện hành.

3. Các cuộc họp của Ban Kiểm soát

Trong năm, Ban Kiểm soát tổ chức 05 phiên họp và thống nhất thông qua những nội dung sau:

- Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại Hội đồng cổ đông thường niên.

- Thẩm định các Báo cáo tài chính quý, bán niên và năm 2018 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

- Trao đổi thảo luận việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế quản trị và Quy chế tài chính Công ty.

- Đề xuất việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính cho Công ty năm 2018.

- Xem xét tình hình sản xuất kinh doanh và các hoạt động quản lý khác của Công ty.

- Ngoài các phiên họp và làm việc trực tiếp, BKS thường xuyên liên lạc, trao đổi thông tin, tài liệu và các giải pháp cụ thể, thiết thực trong việc thực hiện nhiệm vụ của các kiểm soát viên nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động.

4. Chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát

- Thù lao năm 2018 của thành viên BKS không chuyên trách thực hiện theo Nghị quyết số 04/NQ-TA-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2018 của Đại hội đồng cổ đông.

-Tiền thù lao của thành viên BKS không chuyên trách là 3.500.000 đồng/người/tháng và tổng tiền thù lao phải thanh toán trong năm là 84.000.000 đồng.

-Tiền lương của Trưởng BKS chuyên trách được xây dựng và chi trả theo Thông tư 28/TT-BLĐTBXH và Nghị quyết của Công ty.

- Công ty đã chi và hạch toán tiền lương, thù lao của BKS năm 2018 đúng theo quy định.

5. Đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát

Trên cơ sở Điều lệ, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, các kiểm soát viên luôn chủ động trong nhiệm vụ được phân công, tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT, BKS và luôn có những đề xuất, góp ý với HĐQT, Ban Giám đốc nhằm tăng cường công tác quản trị, hoàn thiện các quy chế nội bộ, đáp ứng nhu cầu ngày càng phát triển Công ty. Với kết quả hoạt động đã nêu trên, BKS tự đánh giá như sau:

- BKS phân công nhiệm vụ cho từng kiểm soát viên, tổ chức các phiên họp theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ, quy định của Công ty. Trường hợp cần giải quyết những nội dung quan trọng trên báo cáo tài chính, BKS thường xuyên trao đổi, lấy ý kiến kiểm soát viên qua thư điện tử, điện thoại, fax...

- Các thành viên BKS luôn phát huy vai trò, chức năng nhiệm vụ trong giám sát hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc trong quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty.

- BKS thực hiện nhiệm vụ của mình trong việc thẩm định kết quả kinh doanh của Công ty một cách trung thực, vì lợi ích cao nhất của cổ đông.

- Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, BKS thường xuyên có những đề xuất, góp ý HĐQT, Ban giám đốc về việc triển khai hoạt động kinh doanh theo kế hoạch của ĐHCĐ và tuân thủ đúng quy định.

- Ban Kiểm soát hoạt động theo đúng quyền và trách nhiệm của mình quy định tại Điều lệ, Quy chế quản trị công ty, Quy chế hoạt động của BKS, Luật Doanh nghiệp và các quy định của pháp luật hiện hành.

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Hoạt động sản xuất kinh doanh

Ban Kiểm soát giám sát công tác tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh, xem xét báo cáo kết quả kinh doanh năm 2018 trên cơ sở các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết, quyết định của HĐQT Công ty như sau:

- Trong năm Công ty tiếp nhận thêm các trạm cấp nước và khách hàng từ Xí nghiệp Cấp nước Sinh hoạt Nông Thôn, tăng sản lượng tiêu thụ nước của khách hàng nên doanh thu Công ty tăng. Tuy nhiên, mạng lưới cấp nước tại khu vực này đa phần đường ống cũ nên phát sinh chi phí.

- Công ty đã xây dựng, triển khai thực hiện tốt các chỉ tiêu, đặc biệt chú trọng công tác giảm thất thoát nước, mặt khác tiếp tục phát huy các phong trào thi đua kinh doanh nhằm tạo động lực, nâng cao năng suất lao động góp phần hoàn thành nhiệm vụ.

- Nhiệm vụ chủ yếu năm 2018 của Công ty tiếp tục thực hiện Nghị Quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố về 100% hộ dân được tiếp cận và sử dụng nước sạch. Với sự nỗ lực của toàn thể Công ty, các chỉ tiêu về sản xuất kinh doanh năm 2018 (sản lượng

nước, thu tiền nước và giảm thất thoát nước) đạt so với kế hoạch ĐHĐCĐ giao thể hiện qua một số chỉ tiêu sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	Tỷ lệ (%) TH/KH
		1	2	3	4 = 3/2
1	Sản lượng nước tiêu thụ	m ³	52.000.000	55.227.331	106,2
2	Thu tiền nước	tỷ đồng	403,520	431,283	106,9
3	Thi công gắn mới ĐHN	cái (ĐHN)	20.000	14.014	70,1
4	Thay ĐHN các cỡ	cái (ĐHN)	22.010	16.548	75,2
5	Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch	%	100	100	100
6	Tỷ lệ thất thoát nước	%	16,5	16,39	99,3
7	Công tác giảm nước thất thoát thất thu :				
	- Thay ống nhánh cũ, xi bê, rò rỉ, kết hợp dời ĐHN ra ngoài BDS	cái	5.000	4.076	81,52
	- Dời ĐHN ra ngoài BDS phục vụ công tác giảm thất thoát thương mại	cái	5.000	5.243	104,86

Nhận xét

- Trong năm các chỉ tiêu chủ yếu: sản lượng nước, thu tiền nước, tỷ lệ thất thoát nước đều hoàn thành và vượt theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là thực hiện dịch vụ với Tổng Công ty Cấp Nước Sài Gòn -TNHH MTV thông qua: hợp đồng dịch vụ phân phối nước sạch, sản lượng nước tiêu thụ năm 2018 đạt 106,2% so với kế hoạch 2018 và đạt 118,4% so với năm 2017. BKS thống nhất với Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty năm 2018.

- Công ty tăng cường công tác quản lý khách hàng, thực hiện nâng hộp đồng hồ nước bị âm sâu, khâu lắp phục vụ việc ghi nhận chính xác sản lượng nước tiêu thụ. Đảm bảo chất lượng nước và áp lực nước trên mạng lưới luôn ổn định để khuyến khích khách sử dụng nước, giảm tỷ lệ sử dụng nước từ 0-4m³.

- Công ty tiếp tục thực hiện phân vùng tách mạng, tăng cường công tác dò tìm và sửa điểm bề ngầm, hiện tại diện tích quản lý phân vùng tách mạng đạt hơn 50% so với toàn địa bàn quản lý phát triển mạng lưới cấp nước, cần tập trung thay đồng hồ nước định kỳ đúng niên hạn (Công ty nên có kế hoạch chuẩn bị vật tư thực hiện), đảm bảo chính xác sản lượng tiêu thụ, giảm tỷ lệ thất thoát nước...

2. Báo cáo tình hình tài chính

Trên cơ sở Báo cáo tài chính năm 2018 kết thúc vào ngày 31/12/2018 do Ban Điều hành Công ty lập, đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC, Ban Kiểm Soát thực hiện thẩm định Báo cáo tài chính và thống nhất báo cáo Đại hội đồng cổ đông nội dung như sau:

- Báo cáo tài chính được lập và trình bày trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý khác có liên quan.

- Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, trình bày đúng theo quy định về biểu mẫu và thời gian báo cáo.

- Sổ sách, chứng từ kế toán được lập và lưu trữ gọn gàng, đáp ứng yêu cầu cho công tác kiểm toán, kiểm tra.

- Thực hiện tốt các chế độ báo cáo tài chính, công bố thông tin tài chính kịp thời đến Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước và Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM theo quy định.

2.1 Kết quả hoạt động kinh doanh

Một số chỉ tiêu tài chính đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty đã thực hiện năm 2018 như sau:

DVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện Năm 2017(*)	Thực hiện Năm 2018(**)	Tỷ lệ(%) (+)/(-)
1	Tổng doanh thu	329.782.358.779	208.105.950.635	63,10
2	Tổng chi phí	323.420.215.003	199.860.929.442	61,79
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	6.362.143.776	8.245.021.193	129,59
4	Tổng lợi nhuận sau thuế	5.037.715.021	6.438.338.407	127,80
5	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.008	1.288	127,77
6	Cổ tức (trên mệnh giá cổ phiếu)	6%	8% (dự kiến)	

2.2 Các chỉ tiêu đánh giá tình hình tài chính

Một số chỉ tiêu tài chính (tại ngày 31/12/2018) đánh giá khái quát thực trạng tài chính năm 2018 của Công ty được thể hiện ở bảng sau:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2017 (*)	Năm 2018 (**)
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán :		
	Khả năng thanh toán hiện hành	1,504 lần	1,523 lần
	Khả năng thanh toán nhanh	1,339 lần	1,362 lần
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn :		
	Nợ phải trả trên tổng tài sản	0,638	0,622
	Nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu	1,761	1,646
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động :		
	Vòng quay hàng tồn kho	7,057	10,874
	Doanh thu thuần trên tổng tài sản	1,962	1,227
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời :		
	Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu thuần (ROS)	1,530%	3,125%
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản(ROA)	3,002%	3,835%
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	8,287%	10,148%
	Tỷ suất lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trên doanh thu thuần	1,875%	3,347%

Ghi chú:

(*) Điều chỉnh theo kết quả Thông báo Kiểm toán Nhà nước Khu vực IV số 21/TB-KVIV ngày 08/01/2019

(**) Báo cáo tài chính năm 2018 Công ty phát hành lần thứ nhất ngày 28/03/2019 và phát hành thay thế lần hai ngày 10/05/2019 theo NQ số 34/NQ-TA-HĐQT ngày 03/05/2019.

Nhận xét

- BKS thống nhất với những nội dung của Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty được kiểm toán bởi Cty TNHH Hãng kiểm toán AASC phát hành thay thế số 10052019.001/BCTC.FIS1 ngày 10/05/2019.

- BKS thực hiện thẩm định Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty, nhìn chung tình hình kinh doanh trong năm thực hiện cao hơn so với năm 2017. Công ty hoàn thành công tác sản xuất kinh doanh: đảm bảo có lợi nhuận, trích lập các quỹ theo quy định, thực

hiện đầy đủ các nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước, các chế độ chính sách đối với người lao động và cổ tức cho cổ đông.

- Các chỉ số tài chính cơ bản thể hiện được tính hiệu quả trong hoạt động phát triển của doanh nghiệp. Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán, cơ cấu vốn, năng lực hoạt động và khả năng sinh lời của Công ty đảm bảo vốn đầu tư của cổ đông được bảo toàn và phát triển.

- Hệ số bảo toàn và phát triển vốn Nhà nước (Tổng TS- Nợ phải trả)/(Vốn góp CSH+ Quỹ đầu tư phát triển): 1,15 lần tăng 0,04 lần so với năm 2017.

- Kết quả kiểm toán theo Thông báo số 21/TB-KV IV của Kiểm toán Nhà nước khu vực IV ngày 08/01/2019 như sau:

+ Công ty đã hạch toán các bút toán điều chỉnh vào niên độ năm 2018, thực hiện điều chỉnh số liệu sổ kế toán và Báo cáo tài chính năm 2017 vào số dư đầu năm 2018.

+ Lợi nhuận sau thuế năm 2017: 5.037.715.021 đồng, tăng 1.254.007.743 đồng (theo Nghị quyết số 04/NQ-TA-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2018 đã thông qua trước điều chỉnh là 3.783.707.278 đồng).

3. Tình hình thực hiện Nghị Quyết của Đại đồng cổ đông

*Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 04/NQ-TA-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2018:

-Về tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018: Các chỉ tiêu về sản lượng nước, tiền nước tiêu thụ và tỷ lệ thất thoát nước hoàn thành vượt so với kế hoạch. Tuy nhiên các chỉ tiêu kinh doanh: gắn mới đồng hồ nước, thay đồng hồ nước định kỳ chưa đạt so với kế hoạch do yếu tố khách quan.

-Về thực hiện chi trả cổ tức cho Cổ đông năm 2017 với tỷ lệ 6% trên vốn điều lệ Công ty cho 5.000.000 cổ phiếu tương đương giá trị 3.000.000.000 đồng. Thực hiện trích lập các quỹ năm 2017: quỹ thưởng Ban Điều hành: 200.000.000 đồng, quỹ khen thưởng 291.853.639 đồng, quỹ phúc lợi: 291.853.639 đồng và thực hiện chi trả theo quy định.

-Về kế hoạch tài chính, cổ tức năm 2018: Công ty đạt doanh thu 208.105.950.635 đồng so kế hoạch 208.762.000.000 đồng, lợi nhuận trước thuế 8.245.021.193 đồng so kế hoạch 5.500.000.000 đồng và lợi nhuận sau thuế 6.438.338.407 đồng so kế hoạch 4.400.000.000 đồng, cổ tức dự kiến 8% trên vốn điều lệ Công ty so với kế hoạch 5-7%.

*Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường (hình thức xin ý kiến bằng văn bản) Nghị quyết số 05/NQ-TA-ĐHĐCĐ ngày 13/08/2018 và Nghị quyết số 06/NQ-TA-ĐHĐCĐ ngày 20/11/2018 với nội dung:

- Công ty thực hiện di dời văn phòng làm việc tại số 333 Phạm Văn Đồng P01 Quận Gò Vấp (văn phòng Công ty thuê) về Trạm cấp nước Gò Vấp tại số 05, đường số 09, P09, Quận Gò Vấp TP.HCM theo thông báo số 42/TB-DVCI-QLN của Công ty Dịch vụ Công Ích Gò Vấp ngày 21/06/2018 về việc thanh lý hợp đồng thuê nhà và thu hồi nhà.

- Đồng thời, Công ty thực hiện đổi giấy phép kinh doanh (thay đổi lần thứ 05) từ số 333 Phạm Văn Đồng P01, Quận Gò Vấp -TP.HCM về số 05 Đường số 09, P09, Quận Gò Vấp -TP.HCM và giấy phép kinh doanh (thay đổi lần thứ 06) địa chỉ số 873A Quang Trung, Phường 12, Quận Gò Vấp - TP.HCM.

4. Công tác quản trị của Hội Đồng Quản Trị

- Hội đồng quản trị (HĐQT) thực hiện đầy đủ chế độ họp định kỳ hàng quý tại Công ty, thông qua các kỳ họp HĐQT đã ban hành 09 Nghị Quyết, 09 Quyết Định, HĐQT trị đã thực hiện quyền quản lý Công ty trên cơ sở xem xét, thảo luận và biểu quyết thông qua các kế hoạch, các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tạo điều kiện cho Ban Giám đốc kịp thời điều hành kinh doanh.

- Ngoài ra giữa các kỳ họp định kỳ của HĐQT, khi có một số công việc cấp bách liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh và quản trị của Công ty, HĐQT đã tổ chức lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản theo đúng điều lệ hoạt động Công ty cổ phần.

- Hội đồng quản trị thực hiện triển khai Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2018 với những nội dung chính: kế hoạch sản xuất kinh doanh; kế hoạch tài chính; thực hiện chi trả cổ tức; lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính, ban hành kịp thời các chủ trương về tình hình kinh doanh của Công ty.

5. Công tác điều hành của Ban Giám đốc Công ty

- Theo tinh thần chỉ đạo của HĐQT, Ban Giám đốc đã chủ động, tích cực triển khai thực hiện và hoàn thành Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của HĐQT. Ban Giám đốc luôn quan tâm kế hoạch sản xuất kinh doanh và tài chính, nên Công ty đạt kế hoạch kinh doanh, đảm bảo các chính sách theo quy định của Nhà nước trong việc điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty và cổ tức cho cổ đông.

- Bên cạnh việc hoàn thành các chỉ tiêu do ĐHCĐ giao, Ban Giám đốc Công ty tập trung cải tiến thủ tục hành chính, mạnh dạn ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ để từng bước nâng cao quản trị doanh nghiệp, chất lượng phục vụ khách hàng: ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, xây dựng và vận hành trung tâm chăm sóc khách hàng 24/7 (Call center) và ứng dụng chăm sóc khách hàng My Tawaco (Ios và Android).

6. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Ban Giám đốc và Cổ đông

- Báo cáo hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc đã phản ánh đầy đủ, trung thực các hoạt động của Công ty, Nghị quyết của HĐQT phù hợp với Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. BKS thống nhất với Báo cáo của HĐQT, Ban Giám đốc trong năm 2018 về tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Ban Kiểm soát luôn phối hợp trong việc triển khai các chủ trương của Đại hội đồng cổ đông. Trong các cuộc họp của HĐQT, BKS tham gia đóng góp ý kiến trên nguyên tắc thận trọng và vì lợi ích tối đa của cổ đông, góp phần xây dựng hoàn thiện cơ chế chính sách điều hành của Ban Giám đốc. Ban kiểm soát luôn giữ mối quan hệ với HĐQT và Ban Giám đốc nhưng vẫn đảm bảo tính độc lập, khách quan của mình trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định.

-Về phía Cổ đông Công ty, BKS không nhận được yêu cầu của Cổ đông hay nhóm Cổ đông về việc quản trị, quản lý và điều hành của HĐQT, Ban Giám đốc Công ty.

III. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2019

Ban kiểm soát tiếp tục thực hiện quyền và trách nhiệm của BKS, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hoạt động của Công ty, đảm bảo Công ty hoạt động kinh doanh đúng theo Nghị quyết ĐHCĐ, đồng thời tuân thủ theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật hiện hành, cụ thể:

- Giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- Kiến nghị HĐQT hoặc ĐHĐCĐ các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Xem xét, giám sát tình hình triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh để có những kiến nghị (nếu cần) cho hoạt động của Công ty;
- Giám sát việc thực hiện chế độ tiền lương, thưởng, thù lao của Người quản lý và Người lao động; việc phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ theo quy định;
- Thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo kết quả kinh doanh hàng quý, năm qua đó phân tích đánh giá tình hình tài chính và quản lý vốn tại Công ty;
- Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của Ban Giám đốc Công ty;
- Thực hiện các công việc khác thuộc quyền và trách nhiệm của BKS theo quy định.

Trên đây là những nội dung báo cáo thực hiện nhiệm vụ của BKS năm 2018 và kế hoạch hoạt động năm 2019, Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên xem xét và thông qua.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT Cty;
- Ban GD Cty;
- TV BKS;
- Lưu.

TM. BAN KIỂM SOÁT
Trưởng Ban



Phan Kim Phụng

Báo cáo Tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRUNG AN

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018
(Đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo Kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10-30



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước – Công ty TNHH MTV Cấp nước Trung An, theo Quyết định số 4242/QĐ-UBND ngày 26 tháng 08 năm 2014 của UBND thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0310350082 cấp lần đầu ngày 06 tháng 10 năm 2010 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 27 tháng 11 năm 2018.

Trụ sở chính của Công ty tại số 873A Quang Trung, Phường 12, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo tài chính gồm:

Bà Võ Thị Hồng Hà	Chủ tịch
Ông Dương Hồng Đệ	Thành viên
Ông Hoàng Thế Bảo	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Phong	Thành viên
Ông Võ Nhật Trân	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo tài chính gồm:

Ông Hoàng Thế Bảo	Giám đốc
Ông Võ Khánh Toàn	Phó Giám đốc
Ông Trần Ngọc Hòa	Phó Giám đốc

Các thành viên Ban kiểm soát gồm:

Bà Phan Kim Phượng	Trưởng ban kiểm soát
Ông Nguyễn Ngọc Lương	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Bảo Châu	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- ▶ Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ Ban Giám đốc và Ban Quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- ▶ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- ▶ Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- ▶ Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- ▶ Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An

873A Quang Trung, Phường 12, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng và Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán. *RA*



Hoàng Thế Bảo
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 05 năm 2019

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An, được trình bày từ trang 06 đến 30 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chi phí phát sinh của hoạt động của hoạt động gắn đồng nước có thu tiền đã hoàn thành trong năm 2018 số tiền 6.778.988.029 VND đang được ghi nhận là Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (Thuyết minh 6), và tiền thu của các hộ dân số tiền 8.541.488.362 VND (không bao gồm thuế GTGT) được ghi nhận là Phải trả khác (Thuyết minh 15) trên Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018. Theo đó, doanh thu và giá vốn cung cấp dịch vụ có thể không được phản ánh đầy đủ và chính xác trên Báo cáo kết quả hoạt động năm 2018 của Công ty.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam, cũng như tuân thủ các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc báo cáo tài chính đến các thuyết minh sau:

- ▶ Thuyết minh 16 trong đó mô tả Công ty đã ghi nhận bổ sung "Vốn góp của chủ sở hữu" từ "Quỹ đầu tư phát triển", "Chênh lệch đánh giá lại tài sản", và nguồn thu từ cổ phần hóa theo phương án cổ phần hóa đã được duyệt tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần. Ngày 27/12/2016, Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty đã có biên bản làm việc về xác định giá trị doanh nghiệp của Công ty tại thời điểm cổ phần hóa. Tuy nhiên, báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31/12/2018 chưa được điều chỉnh theo kết quả của Biên bản làm việc của Ban chỉ đạo do Công ty chưa nhận được kết quả phê duyệt, quyết toán chính thức từ Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.
- ▶ Thuyết minh 7 và Thuyết minh 17 về diện tích đất sử dụng tại số 5, đường 9, phường 9, quận Gò Vấp làm văn phòng hoạt động của Công ty. Đây là đất do Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh giao cho Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV ("Tổng Công ty") sử dụng, quản lý nhưng Tổng Công ty và Công ty hiện chưa có văn bản thống nhất về diện tích đất Công ty đang sử dụng.

Vấn đề khác

Báo cáo kiểm toán này thay thế cho Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An đã phát hành số 280319.001/BCTC.FIS1 ngày 28/03/2019, do điều chỉnh lại doanh thu, chi phí của hoạt động thay gắn đồng hồ nước có thu tiền, và điều chỉnh lại phân bổ chi phí sửa chữa văn phòng làm việc theo Nghị quyết số 34/NQ-TA-HĐQT ngày 03/05/2019 của Hội đồng quản trị Công ty.

**Công ty TNHH
Hàng kiểm toán AASC**



Đỗ Mạnh Cường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0744-2018-002-1

Đinh Quang Trung
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3681-2017-002-1/KTV

Hà Nội, ngày 10 tháng 05 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		159.109.179.255 /	161.029.053.396 /
110	I. Tiền và tương đương tiền	3	53.183.887.433 /	24.434.852.696 /
111	1. Tiền		48.183.887.433 /	19.434.852.696 /
112	2. Các khoản tương đương tiền		5.000.000.000 /	5.000.000.000 /
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		88.966.878.590 /	117.584.082.597 /
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	87.065.233.197 /	115.565.718.025 /
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		89.428.000 /	35.000.000 /
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	5	1.812.217.393 /	1.983.364.572 /
140	IV. Hàng tồn kho		16.900.113.232 /	17.648.696.220 /
141	1. Hàng tồn kho	6	16.900.113.232 /	17.648.696.220 /
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		58.300.000 /	1.361.421.883 /
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	7	58.300.000 /	789.800.000 /
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	12	-	571.621.883 /
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		8.771.487.838 /	6.809.248.151 /
220	II. Tài sản cố định		5.435.843.946 /	5.111.637.699 /
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	5.210.404.466 /	4.488.222.374 /
222	- Nguyên giá		23.673.721.636 /	21.943.514.559 /
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(18.463.317.170) /	(17.455.292.185) /
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	225.439.480 /	623.415.325 /
228	- Nguyên giá		3.210.069.818 /	3.210.069.818 /
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.984.630.338) /	(2.586.654.493) /
260	VI. Tài sản dài hạn khác		3.335.643.892 /	1.697.610.452 /
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	7	3.335.643.892 /	1.697.610.452 /
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		167.880.667.093 /	167.838.301.547 /

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018
(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	01/01/2018 (Đã điều chỉnh)	
			31/12/2018 VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		104.438.007.041	107.050.272.624
310	I. Nợ ngắn hạn		104.438.007.041	107.050.272.624
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	67.743.068.245	82.369.993.779
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	8	1.871.659.828	1.601.579.005
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	3.184.577.583	4.570.469.060
314	4. Phải trả người lao động	14	20.859.476.984	16.197.408.482
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		356.658.201	229.229.546
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	9.649.309.079	1.212.506.070
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	13	773.257.121	869.086.682
400	B. NGUỒN VỐN		63.442.660.052	60.788.028.923
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	63.442.660.052	60.788.028.923
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		50.000.000.000	50.000.000.000
	411a Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		50.000.000.000	50.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		261.091.481	261.091.481
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		4.918.607.031	4.918.607.031
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		570.615.390	570.615.390
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		7.692.346.150	5.037.715.021
	421a - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		1.254.007.743	-
	421b - LNST chưa phân phối năm nay		6.438.338.407	5.037.715.021
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		167.880.667.093	167.838.301.547



Hoàng Thế Bảo
Giám đốc

Trần Đức Hùng
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Tường
Người lập biểu

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 05 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2018

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	
			Năm 2018 VND	(Đã điều chỉnh) VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	206.101.190.017	329.369.707.857
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	18	88.777.211	115.194.455
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	206.012.412.806	329.254.513.402
11	4. Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	187.845.087.508	312.929.808.867
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		18.167.325.298	16.324.704.535
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	298.502.442	311.898.281
22	7. Chi phí tài chính		22.019.931	22.646.581
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng		223.300.000	241.040.000
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	11.324.268.974	10.199.189.515
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		6.896.238.835	6.173.726.720
31	11. Thu nhập khác	22	1.795.035.387	215.947.096
32	12. Chi phí khác	23	446.253.029	27.530.040
40	13. Lợi nhuận khác		1.348.782.358	188.417.056
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		8.245.021.193	6.362.143.776
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24	1.806.682.786	1.324.428.755
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		6.438.338.407	5.037.715.021
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25	1.288	1.008



Hoàng Thế Bảo
Giám đốc

Trần Đức Hùng
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Tường
Người lập biểu

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 05 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Năm 2018
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2017	
			Năm 2018 VND	(Đã điều chỉnh) VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		8.245.021.193 ✓	6.362.143.776 ✓
	2. Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định		2.500.869.943 ✓	3.577.682.871 ✓
05	(Lãi) từ hoạt động đầu tư		(278.116.995) ✓	(311.898.281) ✓
08	3. Lãi từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		10.467.774.141 ✓	9.627.928.366 ✓
09	Giảm các khoản phải thu		28.609.149.974 ✓	53.891.711.746 ✓
10	Giảm hàng tồn kho		748.582.988 ✓	53.384.123.309 ✓
11	Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay, thuế TNDN phải nộp)		4.519.821.016 ✓	(93.209.301.001) ✓
12	(Tăng) chi phí trả trước		(906.533.440) ✓	(206.661.655) ✓
15	Thuế TNDN đã nộp		(1.274.396.377) ✓	(1.642.814.844) ✓
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		5.000.000 ✓	20.420.000 ✓
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(884.536.839) ✓	(949.446.113) ✓
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		41.284.861.463 ✓	20.915.959.808 ✓
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(9.894.880.201) ✓	(2.880.857.000) ✓
27	2. Tiền thu lãi cho vay		306.556.475 ✓	267.203.837 ✓
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(9.588.323.726) ✓	(2.613.653.163) ✓
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
36	1. Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu		(2.947.503.000) ✓	(3.001.947.500) ✓
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(2.947.503.000) ✓	(3.001.947.500) ✓
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		28.749.034.737 ✓	15.300.359.145 ✓
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	3	24.434.852.696 ✓	9.134.493.551 ✓
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	53.183.887.433 ✓	24.434.852.696 ✓



Hoàng Thế Bảo
Giám đốc

Trần Đức Hùng
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Tường
Người lập biểu

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 05 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước – Công ty TNHH MTV Cấp nước Trung An, theo Quyết định số 4242/QĐ-UBND ngày 26 tháng 08 năm 2014 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0310350082 cấp lần đầu ngày 06 tháng 10 năm 2010 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 27 tháng 11 năm 2018.

Trụ sở chính của Công ty tại số 873A Quang Trung, Phường 12, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty là 50.000.000.000 VND, tương đương 5.000.000 cổ phần. Mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Lĩnh vực kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là cung cấp các dịch vụ liên quan tới ngành nước. Hoạt động kinh doanh chính trong năm là cung cấp các dịch vụ sau cho Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV, gồm:

- ▶ Quản lý, phát triển hệ thống cấp nước, cung ứng kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng và sản xuất;
- ▶ Thi công xây dựng công trình cấp nước; và
- ▶ Tái lập mặt bằng đối với đối với các công trình chuyên ngành cấp nước và công trình khác.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2018, dịch vụ giảm thất thoát nước của Công ty thực hiện theo hợp đồng với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV ("Tổng Công ty") giảm mạnh so với năm 2017 theo nhu cầu giảm thất thoát nước của Tổng Công ty trong năm 2018. Theo đó, doanh thu (Thuyết minh 18), giá vốn (Thuyết minh 19) trong năm 2018 và công nợ phải trả người bán (Thuyết minh 11) tại 31/12/2018 của Công ty đều giảm mạnh so với số năm trước và số đầu năm.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Kỳ kế toán và đơn vị tiền tệ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị ghi nhận sau ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 Tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi theo đánh giá của Ban Giám đốc cuối năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định bằng phương pháp bình quân gia quyền.
Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.7 Tài sản cố định

Tài sản cố định (hữu hình/vô hình) được ghi nhận theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hình thành các tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

▶ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
▶ Máy móc, thiết bị	05 - 12 năm
▶ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 10 năm
▶ Thiết bị quản lý	03 - 10 năm
▶ TSCĐ hữu hình khác	03 - 10 năm
▶ Phần mềm quản lý	03 - 08 năm

2.8 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.9 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả như: phí kiểm toán, chi phí thay gắn đồng hồ nước phải trả nhà thầu... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- ▶ Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- ▶ Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.12 Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- ▶ Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua; và
- ▶ Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; và
- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; và
- ▶ Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- ▶ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; và
- ▶ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; và
- ▶ Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán; và
- ▶ Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- ▶ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.13 Các khoản giảm trừ doanh thu

Giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là khoản điều chỉnh giảm khối lượng quyết toán dịch vụ thay gắn đồng hồ nước và giảm thất thoát nước.

Giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ dịch vụ cung cấp được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp dịch vụ đã phát sinh các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.14 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.



Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

2.15 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- ▶ Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- ▶ Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- ▶ Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó

2.17 Thông tin bộ phận

Lĩnh vực hoạt động của Công ty chủ yếu là cung cấp dịch vụ cho Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV, trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3. Tiền và tương đương tiền

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	17.407.610 /	5.145.917 /
Tiền gửi ngân hàng	48.166.479.823 /	19.429.706.779 /
Các khoản tương đương tiền (*)	5.000.000.000 /	5.000.000.000 /
	<u>53.183.887.433 /</u>	<u>24.434.852.696 /</u>

(*) Các khoản tương đương tiền tại 31/12/2017 và 31/12/2018 là tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, lãi suất là 5,3%/năm.

4. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan				
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV	87.065.233.197 /	-	115.565.718.025 /	-
	87.065.233.197 /	-	115.565.718.025 /	-

5. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ký cược, ký quỹ	468.750.000 /	-	670.000.000 /	-
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	47.890.411 /	-	55.944.444 /	-
Phải thu cơ quan bảo hiểm	12.552.050 /	-	67.210.850 /	-
Tạm ứng	16.000.000 /	-	6.000.000 /	-
Phải thu khác	1.267.024.932 /	-	1.184.209.278 /	-
<i>Tạm ứng khen thưởng chi trước</i>	997.999.951 /	-	689.853.587 /	-
<i>Phí bảo vệ môi trường</i>	203.038.935 /	-	156.474.829 /	-
<i>Khác</i>	65.986.046 /	-	337.880.862 /	-
	1.812.217.393 /	-	1.983.364.572 /	-

6. Hàng tồn kho

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu vật liệu	10.121.125.203 /	-	17.646.496.220 /	-
<i>Trong đó:</i>				
- Đồng hồ nước	4.769.162.537 /	-	6.759.278.389 /	-
- Hộp bảo vệ ĐHN	651.600.860 /	-	2.410.687.722 /	-
- Van cóc, van góc, đai	2.852.704.676 /	-	5.006.750.525 /	-
- Ống nhựa PVC	204.787.299 /	-	564.873.765 /	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	2.200.000 /	-
Chi phí sản xuất KDDD (*)	6.778.988.029 /	-	-	-
	16.900.113.232 /	-	17.648.696.220 /	-

(*) Chi phí gắn đồng hồ nước có thu tiền các hộ dân của Công ty trong năm 2018. Tiền thu của các hộ dân được trình bày là một khoản Phải trả khác (Thuyết minh 15).

7. Chi phí trả trước

	31/12/2018	01/01/2018 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
Ngắn hạn	58.300.000 ✓	789.800.000 ✓
Bảo hiểm nhân thọ	28.800.000 ✓	689.300.000 ✓
Khác	29.500.000 ✓	100.500.000 ✓
Dài hạn	3.335.643.892 ✓	1.697.610.452 ✓
Sửa chữa văn phòng công ty (*)	3.335.643.892 ✓	-
Chi phí sửa chữa, công cụ dụng cụ	-	1.697.610.452 ✓

(*) Chi phí sửa chữa văn phòng công ty tại số 5, đường 9, phường 9, quận Gò Vấp, đã phân bổ trong năm 2018 là: 5.497.519.913 VND. ✓

8. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Chi tiết theo số dư lớn		
BQL xây dựng nông thôn mới xã Bà Điểm về bồi thường di dời công trình hạ tầng cấp nước	100.000.000 ✓	100.000.000 ✓
Công ty TNHH Nước Giải Khát Suntory Pepsico Việt Nam	506.148.248 ✓	-
Công ty Cổ Phần Thương Mại Xăng Dầu Tân Sơn Nhất	99.267.000 ✓	-
Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV	-	1.493.079.005 ✓
Khách hàng dịch vụ khác (ống cái, nâng dời ĐHN, đóng mở nước...)	1.166.244.580 ✓	8.500.000 ✓
	1.871.659.828 ✓	1.601.579.005 ✓
Trong đó, người mua trả tiền trước là bên liên quan (Thuyết minh 29)	-	1.493.079.005 ✓

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	TSCĐ hữu hình khác VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2018	2.526.251.335 /	3.501.208.634 /	7.641.043.640 /	8.015.037.911 /	259.973.039 /	21.943.514.559 /
Mua trong kỳ	149.220.000 /	-	-	2.604.781.437 /	91.460.200 /	2.845.461.637 /
Giảm khác (*)	(1.115.254.560) /	-	-	-	-	(1.115.254.560) /
Tại ngày 31/12/2018	1.560.216.775 /	3.501.208.634 /	7.641.043.640 /	10.619.819.348 /	351.433.239 /	23.673.721.636 /
Hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2018	2.418.861.593 /	2.678.271.075 /	6.403.776.444 /	5.796.387.897 /	157.995.176 /	17.455.292.185 /
Khấu hao trong kỳ	91.668.605 /	299.551.541 /	421.958.009 /	1.225.667.029 /	64.048.914 /	2.102.894.098 /
Giảm khác (*)	(1.094.869.113) /	-	-	-	-	(1.094.869.113) /
Tại ngày 31/12/2018	1.415.661.085 /	2.977.822.616 /	6.825.734.453 /	7.022.054.926 /	222.044.090 /	18.463.317.170 /
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2018	107.389.742 /	822.937.559 /	1.237.267.196 /	2.218.650.014 /	101.977.863 /	4.488.222.374 /
Tại ngày 31/12/2018	144.555.690 /	523.386.018 /	815.309.187 /	3.597.764.422 /	129.389.149 /	5.210.404.466 /

(*) Giảm khác thực hiện trong năm gồm kho vật tư, tường rào kho vật tư tại trụ sở cũ bị tháo dỡ do việc chuyển địa điểm văn phòng mới (hội trường phòng họp).

► Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 13.855.316.899 VND. /

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính có nguyên giá và hao mòn lũy kế tại 31/12/2018 lần lượt là 3.210.069.818 VND và 2.984.630.338 VND. Chi phí khấu hao năm 2018 của tài sản cố định vô hình là 397.975.845 VND. /

► Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.275.708.000 VND. /

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty TNHH Đan Vĩ	9.485.858.347	9.485.858.347	10.149.917.283	10.149.917.283
Công ty TNHH Sản xuất và Xây dựng Nhân Việt	7.710.800.214	7.710.800.214	10.506.424.922	10.506.424.922
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV	6.530.259.014	6.530.259.014	1.350.388.600	1.350.388.600
Công ty TNHH Thiết kế xây dựng và Tư Vấn Nhật Minh	3.759.212.604	3.759.212.604	4.565.265.207	4.565.265.207
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Xây Dựng NTK	2.992.000.000	2.992.000.000	2.992.000.000	2.992.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ Xây dựng Nam Khang	2.721.669.050	2.721.669.050	8.549.487.415	8.549.487.415
Công ty TNHH Thương Mại N.T.P	3.137.640.000	3.137.640.000	3.529.350.000	3.529.350.000
Doanh nghiệp tư nhân Thảo Tín Vũ	1.848.528.110	1.848.528.110	1.099.095.800	1.099.095.800
Công ty Cổ phần Đại Việt Trí Tuệ - Chi nhánh phía Nam	1.757.800.000	1.757.800.000	1.236.400.000	1.236.400.000
Công ty Cổ phần Sameco	1.562.341.000	1.562.341.000	1.562.341.000	1.562.341.000
Công ty Cổ phần Thành viên Đầu tư Xây dựng Thương mại Minh Chương	978.764.587	978.764.587	2.457.572.329	2.457.572.329
Công ty Cổ Phần Cơ Khí Công Trình Cấp nước	672.001.990	672.001.990	1.156.448.639	1.156.448.639
Chi nhánh Công ty Cổ Phần Đầu tư Minh Hòa	-	-	696.300.000	696.300.000
Công ty TNHH Thương mại và Kỹ thuật Trương Nguyệt	-	-	6.358.000.000	6.358.000.000
Công ty TNHH An Phát	-	-	4.000.327.657	4.000.327.657
Khác	24.586.193.329	24.586.193.329	22.160.674.927	22.160.674.927
	67.743.068.245	67.743.068.245	82.369.993.779	82.369.993.779
Trong đó, phải trả người bán là bên liên quan (Thuyết minh 29)	9.667.899.014	9.667.899.014	4.879.738.600	4.879.738.600



12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2018 (Đã điều chỉnh)		Năm 2018		31/12/2018	
	Số phải thu VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Số phải nộp VND	Số phải thu VND	Số phải nộp VND
Thuế giá trị gia tăng	-	4.010.585.528	12.767.869.849	11.318.108.393	-	2.560.824.072
Thuế thu nhập doanh nghiệp	571.621.883	313.501.935	1.274.395.377	1.806.682.786	-	274.166.461
Thuế thu nhập cá nhân	-	116.280.823	1.302.350.365	1.405.555.818	-	219.486.276
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Các khoản phải nộp khác	-	130.100.774	16.699.250	16.699.250	-	130.100.774
	571.621.883	4.570.469.060	15.364.315.841	14.550.046.247	-	3.184.577.583

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Quỹ khen thưởng công nhân viên	Quỹ phúc lợi	Quỹ thưởng Ban điều hành	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư tại 01/01/2017	255.152.297	(2.377.077)	400.389.343	653.164.563
Trích lập quỹ kỳ trước	422.474.116	422.474.116	300.000.000	1.144.948.232
Tặng khác	20.420.000	-	-	20.420.000
Sử dụng quỹ	(698.046.413)	(241.399.700)	(10.000.000)	(949.446.113)
Số dư tại 31/12/2017	-	178.697.339	690.389.343	869.086.682
Phân phối lợi nhuận trong kỳ	291.853.639	291.853.639	200.000.000	783.707.278
Tặng khác	5.000.000	-	-	5.000.000
Sử dụng quỹ	(1.294.853.590)	(111.683.200)	(476.000.000)	(1.882.536.790)
Chuyển sang phải thu khác (Thuyết minh 5)	997.999.951	-	-	997.999.951
Số dư tại 31/12/2018	-	358.867.778	414.389.343	773.257.121

14. Phải trả người lao động

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
Phải trả người lao động	19.889.598.231 /	15.280.570.079 /
Phải trả cán bộ quản lý	969.878.753 /	916.838.403 /
	<u>20.859.476.984</u>	<u>16.197.408.482</u>

15. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
Chi tiết theo số dư lớn		
Thù lao cho cán bộ không chuyên trách	193.000.000 /	279.000.000 /
Kinh phí công đoàn	125.207.600 /	123.346.300 /
Tiền thu hoạt động gắn đồng hồ nước có thu tiền (Thuyết minh 6*)	8.541.488.362 /	-
Tiền bảo hành công trình	314.320.193 /	314.586.796 /
Bảo lãnh thực hiện công trình	252.708.030 /	44.346.030 /
Khác	222.584.894 /	451.226.944 /
	<u>9.649.309.079</u>	<u>1.212.506.070</u>
Trong đó, phải trả khác bên liên quan (Thuyết minh 29)	15.286.623 /	67.679.532 /

16. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2017	50.000.000.000 ✓	261.091.481 ✓	4.918.607.031 ✓	570.615.390 ✓	4.144.948.232 ✓	59.895.262.134 ✓
Lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	5.037.715.021 ✓	5.037.715.021 ✓
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	(4.144.948.232) ✓	(4.144.948.232) ✓
Tại ngày 31/12/2017 (*)	50.000.000.000 ✓	261.091.481 ✓	4.918.607.031 ✓	570.615.390 ✓	5.037.715.021 ✓	60.788.028.923 ✓
Lợi nhuận năm nay	-	-	-	-	6.438.338.407 ✓	6.438.338.407 ✓
Phân phối lợi nhuận (i)	-	-	-	-	(3.783.707.278) ✓	(3.783.707.278) ✓
Tại ngày 31/12/2018	50.000.000.000 ✓	261.091.481 ✓	4.918.607.031 ✓	570.615.390 ✓	7.692.346.150 ✓	63.442.660.052 ✓

(i) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 04/NQ-TA-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2018, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2017 – đã được công bố thông tin trên Ủy ban Chứng khoán Nhà nước – như sau:

	Tỷ lệ	VND
Lợi nhuận phân phối (trước điều chỉnh theo Thuyết minh 30)	100%	3.783.707.278
Trích Quỹ khen thưởng	7,71%	291.853.639 ✓
Trích Quỹ phúc lợi	7,71%	291.853.639 ✓
Trích Quỹ thưởng Ban điều hành	5,29%	200.000.000 ✓
Chi trả cổ tức (mỗi cổ phần nhận 600 VND)	79,29%	3.000.000.000 ✓
		3.783.707.278 ✓

(*) Tại ngày 01/02/2015, Công ty đã kết chuyển, ghi tăng Vốn góp của chủ sở hữu và Thặng dư vốn cổ phần từ Quý đầu tư phát triển, Chênh lệch đánh giá lại tài sản và Tiền thu để lại từ cổ phần hóa theo phương án Cổ phần hóa ("CPH"). Ngày 27/12/2016, Ban chỉ đạo CPH Công ty TNHH MTV Cấp nước Trung An đã có biên bản làm việc về xác định giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH MTV Cấp nước Trung An tại thời điểm cổ phần hóa, và Nghị quyết 01 ngày 17/1/2017 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV ("Tổng Công ty") cũng ra quyết định về việc phân phối lợi nhuận trong giai đoạn năm 2013 đến tháng 1/2015. Theo đó, nếu được UBND thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt theo kết quả điều chỉnh này, số liệu báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty sẽ thay đổi như sau:

Mã số	Tài sản	31/12/2018 VND	Mã số	Nợ phải trả	31/12/2018 VND
131	Phải thu ngắn hạn khác	93.055.656 /	313	Thuế và các khoản phải nộp	889.914.360 /
			322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	6.397.416.527 /
			319	Phải trả ngắn hạn khác	2.213.149.221 /
			411	Vốn góp của Chủ sở hữu (**)	(6.215.994.338) /
			412	Thặng dư vốn cổ phần	(261.091.481) /
			418	Quỹ đầu tư phát triển	(2.359.723.243) /
			420	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	(570.615.390) /
		93.055.656 /			93.055.656 /

(**) Sau điều chỉnh, phần vốn đầu tư của chủ sở hữu thiếu sẽ được Tổng Công ty bù đắp từ số tiền thu từ bán cổ phần.

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2018		01/01/2018	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV	32.500.000.000 /	65,00%	32.500.000.000 /	65,00%
Ông Nguyễn Thanh Phong	7.925.000.000 /	15,85%	12.250.000.000 /	24,50%
Ông Hồ Lê Minh	7.267.100.000 /	14,53%	-	0,00%
Các cổ đông khác	2.307.900.000 /	4,62%	5.250.000.000 /	10,50%
	50.000.000.000 /	100%	50.000.000.000 /	100%

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	50.000.000.000 /	50.000.000.000 /
- Vốn góp cuối năm	50.000.000.000 /	50.000.000.000 /
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong kỳ	-	-
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	3.000.000.000 /	3.000.000.000 /
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	-	-
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	3.000.000.000 /	3.000.000.000 /
- Số dư cuối kỳ	-	-

d. Cổ phiếu

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000 ✓	5.000.000 ✓
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.000.000 ✓	5.000.000 ✓
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000 ✓	5.000.000 ✓
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000 ✓	5.000.000 ✓
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000 ✓	5.000.000 ✓

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

e) Các quỹ

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Quỹ đầu tư phát triển	4.918.607.031 ✓	4.918.607.031 ✓
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	570.615.390 ✓	570.615.390 ✓
	5.489.222.421	5.489.222.421

17. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán và cam kết thuê hoạt động

Tài sản thuê ngoài

Công ty đang sử dụng diện tích đất tại số 5, đường 9, phường 9, quận Gò Vấp làm văn phòng hoạt động. Đây là diện tích đất do UBND Thành phố Hồ Chí Minh giao cho Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV ("Tổng Công ty") quản lý. Hiện tại, Tổng Công ty và Công ty chưa có văn bản thống nhất về việc cho phép Công ty sử dụng diện tích đất này.

Công ty cũng đang sử dụng một số diện tích đất là các giếng nước và nhà kho (Giếng nước số 1 tại số 277 đường Phan Huy Ích, Phường 14, quận Gò Vấp, Giếng nước số 2 tại số 873A Quang Trung, Phường 12, quận Gò Vấp và Giếng nước số 3 tại đường Đỗ Thúc Tịnh, Phường 12, quận Gò Vấp). Công ty đang chuẩn bị các thủ tục để ký hợp đồng thuê đất trả tiền năm 2018 đối với các diện tích đất này.

18. Doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Doanh thu	206.101.190.017 ✓	329.369.707.857 ✓
Dịch vụ phân phối nước sạch	122.876.878.591 ✓	107.782.550.352 ✓
Gắn mới và thay thế đồng hồ nước	45.574.349.760 ✓	184.384.420.330 ✓
Dịch vụ giảm thất thoát nước	26.412.461.577 ✓	31.152.783.098 ✓
Doanh thu tư vấn quản lý công trình	6.522.718.432 ✓	797.913.094 ✓
Khác (ống cái, nâng dãi ĐHN, đóng mở nước...)	4.714.781.657 ✓	5.252.040.983 ✓
Các khoản giảm trừ doanh thu	88.777.211 ✓	115.194.455 ✓
Điều chỉnh doanh thu dịch vụ gắn mới và thay thế ĐHN năm trước (*)	88.777.211 ✓	115.194.455 ✓
Doanh thu thuần	206.012.412.806 ✓	329.254.513.402 ✓
Trong đó: Doanh thu thuần đối với các bên liên quan (Thuyết minh 29)	201.297.631.149 ✓	324.002.472.419 ✓

(*) Khoản giảm trừ doanh thu phát sinh trong năm 2018 là phần điều chỉnh giảm doanh thu dịch vụ gắn mới và thay thế đồng hồ nước với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV năm 2017, nhưng được quyết toán trong năm 2018.

19. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

	Năm 2018 VND	Năm 2017 (Đã điều chỉnh) VND
Dịch vụ phân phối nước sạch	109.703.233.192 /	93.246.672.581 /
Gắn mới và thay thế đồng hồ nước	45.485.572.549 /	184.269.225.875 /
Dịch vụ giảm thất thoát nước	26.412.461.577 /	31.152.783.098 /
Khác (ống cái, nâng dờn ĐHN, đóng mở nước...)	6.243.820.190 /	4.261.127.313 /
	<u>187.845.087.508 /</u>	<u>312.929.808.867 /</u>

20. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	298.502.442 /	311.898.281 /
	<u>298.502.442 /</u>	<u>311.898.281 /</u>

21. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2018 VND	Năm 2017 (Đã điều chỉnh) VND
Chi phí nhân viên quản lý	8.569.463.525 /	7.606.548.786 /
Chi phí đồ dùng văn phòng	907.242.576 /	132.677.771 /
Chi phí khấu hao tài sản cố định	535.511.140 /	662.489.957 /
Thuế phí và lệ phí	3.000.000 /	3.000.000 /
Chi phí tiếp khách	471.402.085 /	538.915.746 /
Chi phí đào tạo	88.492.727 /	197.618.729 /
Chi phí hội họp	26.200.000 /	31.600.000 /
Chi phí điện thoại	6.558.164 /	23.693.928 /
Kinh phí Đảng	384.485.000 /	342.975.000 /
Chi phí bằng tiền khác	331.913.757 /	659.669.598 /
	<u>11.324.268.974 /</u>	<u>10.199.189.515 /</u>

22. Thu nhập khác

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Bán hồ sơ mời thầu	27.272.720 ✓	5.454.546 ✓
Thu kiểm định đồng hồ nước	33.181.817 ✓	54.015.451 ✓
Thu hộ phí bảo vệ môi trường	184.580.850 ✓	156.474.829 ✓
Thu tiền hỗ trợ di dời và hoàn trả mặt bằng của khu trụ sở cũ 333 Phạm Văn Đồng	1.550.000.000 ✓	-
Thu nhập khác	-	2.270 ✓
	1.795.035.387 ✓	215.947.096 ✓

23. Chi phí khác

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí mở thầu	900.000 ✓	23.430.000 ✓
Chi phí kiểm định đồng hồ nước	4.960.000 ✓	4.100.000 ✓
Chi phí nộp phạt vi phạm hành chính	420.000.000 ✓	-
Chi phí khác	20.393.029 ✓	40 ✓
	446.253.029 ✓	27.530.040 ✓

24. Thuế thu nhập doanh nghiệp

	Năm 2018 VND	Năm 2017 (Đã điều chỉnh) VND
Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	8.245.021.193 ✓	6.362.143.776 ✓
Các khoản điều chỉnh tăng	788.392.737 ✓	260.000.000 ✓
<i>Chi phí không được trừ khi tính thuế</i>	788.392.737 ✓	260.000.000 ✓
Thu nhập chịu thuế TNDN	9.033.413.930 ✓	6.622.143.776 ✓
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.806.682.786 ✓	1.324.428.755 ✓
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	(258.119.948) ✓	60.266.141 ✓
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	1.274.396.377 ✓	1.642.814.845 ✓
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	274.166.461 ✓	(258.119.949) ✓

25. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2018 VND	Năm 2017 (Đã điều chỉnh) VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN	6.438.338.407 ✓	5.037.715.021 ✓
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	6.438.338.407 ✓	5.037.715.021 ✓
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	5.000.000 ✓	5.000.000 ✓
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.288 ✓	1.008 ✓

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

26. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2018 VND	Năm 2017 (Đã điều chỉnh) VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	63.041.787.402 ✓	159.010.775.178 ✓
Chi phí nhân công	103.871.694.032 ✓	134.943.980.115 ✓
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.500.869.943 ✓	3.577.682.871 ✓
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	36.757.293.134 ✓	25.837.600.218 ✓
	206.171.644.511 ✓	323.370.038.382 ✓

27. Công cụ tài chính

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	53.183.887.433 ✓	-	24.434.852.696 ✓	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	88.877.450.590 ✓	-	117.549.082.597 ✓	-
	142.061.338.023 ✓	-	141.983.935.293 ✓	-
			31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán, phải trả khác			77.392.377.324 ✓	83.582.499.849 ✓
Chi phí phải trả			356.658.201 ✓	229.229.546 ✓
			77.749.035.525 ✓	83.811.729.395 ✓

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty là rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2018			
Tiền và các khoản tương đương tiền	53.183.887.433 ✓	-	53.183.887.433 ✓
Phải thu khách hàng, phải thu khác	88.877.450.590 ✓	-	88.877.450.590 ✓
	142.061.338.023	-	142.061.338.023
01/01/2018			
Tiền và các khoản tương đương tiền	24.434.852.696 ✓	-	24.434.852.696 ✓
Phải thu khách hàng, phải thu khác	117.549.082.597 ✓	-	117.549.082.597 ✓
	141.983.935.293 ✓	-	141.983.935.293 ✓

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2018			
Phải trả người bán, phải trả khác	77.392.377.324 ✓	-	77.392.377.324 ✓
Chi phí phải trả	356.658.201 ✓	-	356.658.201 ✓
	77.749.035.525	-	77.749.035.525
01/01/2018			
Phải trả người bán, phải trả khác	83.582.499.849 ✓	-	83.582.499.849 ✓
Chi phí phải trả	229.229.546 ✓	-	229.229.546 ✓
	83.811.729.395 ✓	-	83.811.729.395 ✓

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

28. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

29. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Công ty có các bên liên quan như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV Công ty TNHH thương mại N.T.P	Công ty mẹ Cổ đông lớn

Trong năm Công ty đã có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	<u>Giao dịch</u>	<u>Năm 2018</u>		<u>Năm 2017</u>	
		VND		VND	
Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV	Cung cấp dịch vụ + <i>Phân phối nước sạch</i> + <i>Giảm thất thoát nước</i> + <i>Thay, gắn đồng hồ nước</i> + <i>Tư vấn quản lý dự án</i> Thu nhập khác - Phí BVMT Mua vật tư ngành nước	201.297.631.149 ✓ 122.876.878.591 ✓ 26.412.461.577 ✓ 45.485.572.549 ✓ 6.522.718.432 ✓ 184.580.850 ✓ 15.042.517.604 ✓	324.002.472.419 ✓ 107.782.550.352 ✓ 31.152.783.098 ✓ 184.269.225.875 ✓ 797.913.094 ✓ 156.474.829 ✓ 10.434.821.000 ✓		
Công ty TNHH Thương Mại N.T.P	Mua vật tư ngành nước	2.871.400.000 ✓	10.787.800.000 ✓		

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

<u>Khoản mục</u>		<u>Phải thu/ Phải trả tại</u>	
		<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
		VND	VND
Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV	Phải thu ngắn hạn khách hàng + <i>Thay, gắn đồng hồ nước</i> + <i>Phân phối nước sạch</i> + <i>Giảm thất thoát nước</i> + <i>Quản lý công trình</i> Người mua trả tiền trước ngắn hạn Phải trả người bán ngắn hạn Phải thu ngắn hạn khác Phải trả ngắn hạn khác	87.065.233.197 ✓ 50.131.784.737 ✓ 5.334.441.082 ✓ 29.053.707.735 ✓ 2.545.299.643 ✓ - 6.530.259.014 ✓ 268.495.636 ✓ 15.286.623 ✓	115.565.718.025 ✓ 76.228.889.052 ✓ 5.068.767.565 ✓ 34.268.061.408 ✓ - 1.493.079.005 ✓ 1.350.388.600 ✓ 494.355.691 ✓ 67.679.532 ✓
Công ty TNHH Thương Mại N.T.P	Phải trả người bán ngắn hạn	3.137.640.000 ✓	3.529.350.000 ✓

Thu nhập của Ban Giám đốc, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát trong năm như sau:

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Thu nhập của Ban Giám đốc	1.263.099.851 ✓	916.837.412 ✓
<i>Trong đó thu nhập của Giám đốc</i>	<i>467.015.165 ✓</i>	<i>294.431.659 ✓</i>
Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	878.610.843 ✓	523.976.486 ✓
Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	324.000.000 ✓	242.000.000 ✓
	2.465.710.694 ✓	1.682.813.898 ✓

30. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay theo kết quả thanh tra của Kiểm toán nhà nước tại Thông báo số 21/TB-KV IV ngày 08/01/2019 như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	Đã trình bày trên báo cáo năm trước		
		Phân loại lại VND	VND	Chênh lệch VND
Bảng Cân đối kế toán				
1. Chi phí trả trước dài hạn (*)	261	1.697.610.452 ✓	-	1.697.610.452 ✓
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.570.469.060 ✓	4.126.866.351 ✓	443.602.709 ✓
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	5.037.715.021 ✓	3.783.707.278 ✓	1.254.007.743 ✓
- LNST chưa phân phối năm nay	421b	5.037.715.021 ✓	3.783.707.278 ✓	1.254.007.743 ✓
Báo cáo kết quả kinh doanh				
4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	312.929.808.867 ✓	314.582.873.865 ✓	(1.653.064.998) ✓
9. Chi phí quản lý DN	26	10.199.189.515 ✓	10.113.634.195 ✓	85.555.320 ✓
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	1.324.428.755 ✓	1.010.926.820 ✓	313.501.935 ✓
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	5.037.715.021 ✓	3.783.707.278 ✓	1.254.007.743 ✓
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ				
1. Lợi nhuận trước thuế	01	6.362.143.776 ✓	4.794.634.098 ✓	1.567.509.678 ✓
(Giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay, thuế TNDN phải)	11	(93.209.301.001) ✓	(93.339.401.775) ✓	130.100.774 ✓
Giảm chi phí trả trước	12	(206.661.655) ✓	1.490.948.797 ✓	(1.697.610.452) ✓

Chi tiết nội dung điều chỉnh:


- ▶ Điều chỉnh chi phí sửa chữa lớn và công cụ dụng cụ làm giảm chi phí trong năm và tăng chi phí trả trước số tiền 1.697.610.452 VND; ✓
- ▶ Tăng tiền thuế đất phải nộp tại số tiền 130.100.774 VND; ✓
- ▶ Các ảnh hưởng về thuế phải nộp theo các điều chỉnh nêu trên.


- (*) Theo kết quả của Kiểm toán nhà nước tại Thông báo số 21/TB-KV IV ngày 08/01/2019, KTNN điều chỉnh lại công cụ dụng cụ mua ngày 29/12/2017 số tiền 1.361.499.452 VND (Công ty đã ghi nhận hết vào chi phí năm 2017) vào chỉ tiêu 131: Phải thu ngắn hạn khách hàng trên Bảng cân đối kế toán. Tuy nhiên, Công ty đã điều chỉnh lại sang chỉ tiêu 261: Chi phí trả trước dài hạn số tiền 1.361.499.452 VND để phù hợp với bản chất nghiệp vụ phát sinh.


31. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính này đã được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt và chấp thuận phát hành vào ngày 10 tháng 05 năm 2019.




Hoàng Thế Bảo
Giám đốc


Trần Đức Hùng
Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Tường
Người lập biểu

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 05 năm 2019



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 05 năm 2019

TỜ TRÌNH

Về việc lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019

Kính gửi : Đại hội đồng cổ đông Công Ty Cổ Phần Cấp Nước Trung An

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ, Quy chế Quản trị nội bộ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An;
- Quyết định số 2155/QĐ-BTC ngày 15/11/2018 về việc chấp thuận cho doanh nghiệp kiểm toán và kiểm toán viên hành nghề được kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2019 (Đính kèm danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2019, danh sách kiểm toán viên được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2019);
- Danh sách kiểm toán viên được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng cập nhật đến ngày 15/01/2019;
- Công văn số 969/UBCK-QLCB ngày 15/02/2019 của UBCK Nhà nước về tăng Kiểm toán viên trong danh sách kiểm toán chấp thuận năm 2019 của AASC.

Ban Kiểm soát Công ty Cổ Phần Cấp Nước Trung An kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 về việc lựa chọn Công ty kiểm độc lập thực hiện kiểm toán, soát xét các Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty như sau:

1. Các tiêu chí lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập

- Là đơn vị kiểm toán độc lập có uy tín, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, được UBCKNN và Bộ Tài chính chấp thuận kiểm toán cho các Công ty đại chúng và Công ty niêm yết.
- Có đội ngũ kiểm toán viên chuyên nghiệp, trung thực, đề cao đạo đức nghề nghiệp, có trình độ cao, nhiều kinh nghiệm nhằm đảm bảo chất lượng kiểm toán báo cáo tài chính.
- Có hệ thống kiểm soát chất lượng được xây dựng phù hợp với quy định của chuẩn mực kiểm toán Việt Nam;
- Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, phạm vi và tiến độ kiểm toán theo yêu cầu của Công ty.

2. Danh sách các Công ty kiểm toán được Ban Kiểm soát đề xuất

- Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC - Số 1 Phố Lê Phụng Hiểu, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành Phố Hà Nội.
- Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Số 04 Nguyễn Đình Chiểu Phường Đa Kao Quận 01, Tp. Hồ Chí Minh.
- Công ty Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY – Số tầng 09 tòa nhà HL, Ngõ 82 Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

3. Đề xuất của Ban Kiểm soát

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các tiêu chí lựa chọn và danh sách các công ty kiểm toán do Ban Kiểm soát đề xuất nêu trên.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một trong ba công ty kiểm toán độc lập nêu trên để thực hiện kiểm toán, soát xét các Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Phan Kim Phụng

Số: 181 /TTr-TA-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 5 năm 2019

TỜ TRÌNH

Về việc trích lập quỹ, phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2018 và thông qua kế hoạch tài chính, chia cổ tức năm 2019 của Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ điều lệ hoạt động của Công ty Cổ phần cấp nước Trung An sửa đổi lần thứ sáu ngày 20 tháng 11 năm 2018;

- Căn cứ thông báo kết quả kiểm toán tại Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An số 21/TB-KV IV ngày 08/01/2019 của Kiểm toán Nhà nước Khu vực IV.;

- Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2018.

Trước tiên, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An xin gửi lời chào trân trọng tới quý Cổ đông. Chúng tôi chân thành cảm ơn sự đóng góp và ủng hộ của quý Cổ đông của Công ty trong năm qua, nay Hội Đồng quản trị kính trình Đại Hội đồng cổ đông về việc phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ năm 2018 và dự kiến Kế hoạch tài chính năm 2019 như sau:

I. Trích lập quỹ, phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2018:

1/ **Phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ:** Hội đồng quản trị kính trình Đại Hội đồng cổ đông xem xét và thông qua việc trích lập quỹ và phân phối lợi nhuận năm 2018 như sau:

Đơn vị tính: Đồng

DIỄN GIẢI	SỐ BÁO CÁO		CỘNG	Ghi chú
	Năm 2017	Năm 2018		
Lợi nhuận sau thuế TNDN chưa phân phối	1.254.007.743*	6.438.338.407	7.692.346.150	100%
Lợi nhuận còn để lại chưa phân phối	-	614.168.765	614.168.765	7,98%
Quỹ đầu tư phát triển	-	978.177.385	978.177.385	12,72%
Quỹ khen thưởng	308.360.504	1.191.639.496	1.500.000.000	19,50%
Quỹ phúc lợi	61.697.181	238.302.819	300.000.000	3,90%
Quỹ thưởng Ban QLĐH	61.697.181	238.302.819	300.000.000	3,90%
Cổ tức (8%)	822.252.877	3.177.747.123	4.000.000.000	52%

* Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2017 được bổ sung tăng thêm 1.254.007.743 đồng theo thông báo kết quả kiểm toán tại Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An số 21/TB-KV IV ngày 08/01/2019 của Kiểm toán Nhà nước Khu vực IV.

2/ Hình thức và thời điểm chia cổ tức năm 2018: Kính trình Đại Hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội Đồng quản trị quyết định thời gian chi trả cổ tức (dự kiến trong quý II năm 2019) và thực hiện việc chia cổ tức năm 2019 bằng tiền.

II. Kế hoạch tài chính, dự kiến chia cổ tức năm 2019 (đính kèm bảng dự thảo kế hoạch tài chính chi tiết ngày 12 tháng 3 năm 2019):

1. Hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: Đồng

STT	CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN	KH 2019/TH 2018
1	Tổng doanh thu	158.575.000.000	73%
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	7.150.000.000	107%
3	Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN	5.720.000.000	110%

2. Chia cổ tức cho cổ đông: Dự kiến từ 7% - 9% trên vốn điều lệ
Trân trọng kính trình.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.



TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 5 năm 2019

Số: 182 /TTr-TA-HĐQT

TỜ TRÌNH

**Về mức thù lao của thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách
và thành viên Ban Kiểm soát không chuyên trách năm 2019**

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An sửa đổi lần thứ sáu ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Công văn số 330/TCT-HĐTV ngày 15/01/2019 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn-TNHH MTV về việc báo cáo quỹ lương thực hiện, thu lao năm 2018 và kế hoạch 2019;

Căn cứ Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 của Công ty và ý kiến góp ý của các thành viên HĐQT.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua mức thù lao năm 2019 đối với thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách, thành viên Ban Kiểm soát không chuyên trách và Thư ký Công ty; cụ thể như sau:

Thù lao thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách: 04 người

Mức thù lao : 5.000.000 đồng/người/tháng.

Tổng mức thù lao của thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách: 20.000.000 đồng/tháng hay **240.000.000 đồng/năm.**

1. Thù lao Ban Kiểm soát (không chuyên trách): 02 người

Mức thù lao : 3.500.000 đồng/người/tháng.

Tổng mức thù lao của thành viên Ban Kiểm soát không chuyên trách: 7.000.000 đồng/tháng hay **84.000.000 đồng/năm.**

2. Thù lao Thư ký Công ty: 01 người

Thù lao Thư ký Công ty: 2.000.000 đồng/tháng (24.000.000 đồng/năm).

Tổng quỹ thù lao năm 2019 của thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách, thành viên Ban Kiểm soát không chuyên trách là **324.000.000 đồng/năm** và Thư ký Công ty là **24.000.000 đồng/năm.**

Trên đây là nội dung tờ trình về mức thù lao của thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách, thành viên Ban Kiểm soát không chuyên trách và Thư ký Công ty năm 2019, Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét chấp thuận.

Trân trọng kính trình.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.



TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 5 năm 2019

Số: 183 /TTr-TA-HĐQT

TỜ TRÌNH

Về việc giao Hội đồng Quản trị quyết định các hợp đồng giao dịch với
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 (viết tắt là Luật Doanh nghiệp);
- Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An sửa đổi lần thứ sáu ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Do đặc thù của Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An (theo đề án cổ phần hóa) là làm dịch vụ cho Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn, doanh thu chủ yếu là từ các hợp đồng với Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn. Các hợp đồng này hiện đang được ký hàng năm, mỗi đầu năm là phải tổ chức thương thảo, ký hợp đồng mới.

Như vậy, nhằm đảm bảo cho Công ty Cổ phần cấp nước Trung An có nguồn thu để hoạt động liên tục, không bị gián đoạn, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông chấp thuận giao cho Hội Đồng quản trị quyết định các hợp đồng giao dịch với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn trong năm 2019 theo thẩm quyền. Nếu thời điểm ký hợp đồng với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn trong khoảng thời gian chưa tổ chức Đại hội cổ đông thì Hội đồng quản trị tiếp tục quyết định về các hợp đồng và báo cáo tại kỳ Đại hội cổ đông gần nhất.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.



TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 5 năm 2019

Số: 104 /TTr-TA-HĐQT

TỜ TRÌNH

Về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động
Công ty Cổ phần cấp nước Trung An

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 (viết tắt là Luật Doanh nghiệp);
- Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Công văn số 334/TCT-HĐTV ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn (cổ đông chiếm 65% vốn điều lệ Công ty) về việc bổ sung Người đại diện theo pháp luật tại các Công ty cổ phần theo quy định pháp luật, theo đó đề nghị Công ty cơ cấu Người đại diện theo pháp luật bao gồm Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An sửa đổi lần thứ sáu ngày 20 tháng 11 năm 2018;
- Đơn xin ứng cử thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2015-2020 của ông Hồ Lê Minh.

Vấn đề thứ nhất: Sửa đổi Điều lệ để bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

Hiện nay, số lượng thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An (sau đây gọi tắt là Công ty) gồm 05 thành viên (trong đó 04 thành viên là Người đại diện vốn góp Tổng Công ty và 01 là cổ đông lớn chiếm 15,85% vốn điều lệ Công ty). Số lượng thành viên Hội đồng quản trị Công ty đúng với số lượng quy định tại Khoản 1, điều 25 Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần cấp nước Trung An (sửa đổi bổ sung lần thứ sáu), ngày 20/11/2019 là 05 người.

Tuy nhiên, theo Khoản 1, Điều 50 Luật doanh nghiệp năm 2014 thì “Hội đồng quản trị công ty cổ phần có từ 03 đến 11 thành viên. Điều lệ Công ty quy định cụ thể số lượng thành viên Hội đồng quản trị”. Bên cạnh đó, đối chiếu theo Khoản 2, Điều 24 và theo quy định tại Điều 50 và Điều 51 Luật doanh nghiệp thì cổ đông Hồ Lê Minh đủ điều kiện để tham gia ứng cử vào Hội đồng quản trị Công ty tại kỳ Đại hội cổ đông thường niên tháng 4 năm 2019 (ông Hồ Lê Minh hiện đang nắm giữ 726.710 cổ phần tương đương 14,53% vốn điều lệ Công ty từ ngày 11/10/2018).

Căn cứ tình hình thực tế, nhằm bảo đảm quyền lợi của cổ đông lớn muốn tham gia vào Hội đồng quản trị để góp phần điều hành doanh nghiệp thì số lượng thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An có thể thay đổi từ 05 đến 07 người là hợp lý so với cơ cấu sở hữu cổ phiếu của cổ đông tại Công ty và cũng phù hợp với Luật doanh nghiệp.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An kính trình Đại hội đồng cổ đông chấp thuận:

Sửa đổi Khoản 1, Điều 25 Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An, cụ thể sửa đổi nội dung “1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người” thành nội dung “1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị từ năm (05) đến bảy (07) người” để tạo điều kiện cho ông Hồ Lê Minh ứng cử theo quy định;

Vấn đề thứ hai: Sửa đổi điều lệ để bổ sung Chủ tịch Hội đồng quản trị là Người đại diện theo pháp luật.

Sau khi cân nhắc và thuê đơn vị tư vấn tư vấn về vấn đề Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty đều là Người đại diện theo pháp luật, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An đã thống nhất và kính trình Đại hội đồng cổ đông chấp thuận:

Sửa đổi Khoản 4, Điều 2 Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An, cụ thể sửa đổi nội dung “4. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty” thành nội dung “**Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc là đại diện theo pháp luật của Công ty. Quyền hạn và nghĩa vụ của mỗi người đại diện theo pháp luật thực hiện theo quy định tại Quy chế quản trị nội bộ Công ty**”.

Ngoài ra, một số khái niệm cần phải sửa đổi để đồng bộ với quy định theo Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ. Cụ thể thay khái niệm “cán bộ quản lý” thành “**người điều hành**” trong toàn bộ Điều lệ.

Điều lệ sửa đổi có hiệu lực ngay tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 sau khi cổ đông biểu quyết thông qua.

Các nội dung chi tiết theo bảng tổng hợp sửa đổi điều lệ đính kèm tờ trình này.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.



BẢNG TỔNG HỢP GÓP Ý SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRUNG AN

(Theo tờ trình số: 184 /TTr-TA-HĐQT ngày 16/5/2019)



ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐÃ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
<p>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty</p> <p>4. Giám đốc là đại diện theo pháp luật của Công ty.</p>	<p>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty</p> <p>4. <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc là đại diện theo pháp luật của Công ty. Quyền hạn và nghĩa vụ của mỗi người đại diện theo pháp luật thực hiện theo quy định tại Quy chế quản trị nội bộ Công ty.</u></p>	<p><i>Sửa đổi theo đề nghị của doanh nghiệp, phù hợp với Khoản 2 Điều 13 Luật Doanh nghiệp năm 2014.</i></p>
<p>Điều 13. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc <u>cán bộ quản lý</u> cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;</p>	<p>Điều 13. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc <u>người điều hành</u> cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;</p>	<p><i>Sửa đổi để đồng bộ quy định thay khái niệm “cán bộ quản lý” thành “người điều hành” theo Nghị định 71/2017/NĐ-CP</i></p>
<p>Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là <u>năm (05) người</u>. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống.</p>	<p>Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là <u>từ năm (05) đến bảy (07) người</u>. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống.</p>	<p><i>Sửa đổi theo đề nghị của doanh nghiệp, phù hợp với Khoản 1 Điều 150 Luật Doanh nghiệp năm 2014.</i></p>

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐÃ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
<p>6.Trường hợp Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Công ty thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p>6.Trường hợp Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số <u>tối thiểu</u> quy định tại Điều lệ Công ty thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p><i>Bổ sung nhằm quy định rõ cách hiểu về trường hợp phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường.</i></p>
<p>Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp và Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:</p> <p>e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với <u>cán bộ quản lý</u> đó;</p> <p>6. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và <u>các cán bộ quản lý</u> đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.</p>	<p>Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp và Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:</p> <p>e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với <u>người điều hành</u> đó;</p> <p>6. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và <u>những người điều hành</u> đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.</p>	<p><i>Sửa đổi để đồng bộ quy định thay khái niệm “cán bộ quản lý” thành “người điều hành” theo Nghị định 71/2017/NĐ-CP</i></p>
<p>Điều 34. Kiểm soát viên</p> <p>1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty ...</p> <p>Các Kiểm soát viên không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột với các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và <u>các cán bộ quản lý</u> khác của Công ty, ...</p> <p>Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</p>	<p>Điều 34. Kiểm soát viên</p> <p>1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty ...</p> <p>Các Kiểm soát viên không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột với các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và <u>những người điều hành</u> khác của Công ty, ...</p> <p>Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</p>	<p><i>Sửa đổi để đồng bộ quy định thay khái niệm “cán bộ quản lý” thành “người điều hành” theo Nghị định 71/2017/NĐ-CP</i></p>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 5 năm 2019

Số: **185** /TTr-TA-HĐQT

TỜ TRÌNH

Về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ
Công ty Cổ phần cấp nước Trung An

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 (viết tắt là Luật Doanh nghiệp);
- Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng;
- Quyết định số 25/QĐ-TA-HĐQT ngày 24/4/2018 về việc ban hành Quy chế quản trị nội bộ Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An.

Hội đồng quản trị đã có tờ trình trình Đại hội đồng cổ đông việc sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An, trong đó có nội dung bổ sung chủ tịch Hội đồng quản trị là Người đại diện theo pháp luật. Do đó để việc quản trị công ty được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, phù hợp với Điều lệ mới sửa đổi, kính trình Đại hội đồng cổ đông chấp thuận sửa đổi Quy chế quản trị nội bộ Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An theo nội dung đính kèm.

Quy chế quản trị nội bộ có hiệu lực ngay tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 sau khi cổ đông biểu quyết thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.





BẢNG TỔNG HỢP GÓP Ý SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRUNG AN
 (Theo tờ trình số: 185 /TTr-TA-HĐQT ngày 16/5/2019)

QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐÃ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
<p>Điều 1. Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh</p> <p>Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát và <u>cán bộ quản lý</u> của Công ty cổ phần Cấp nước Trung An.</p>	<p>Điều 1. Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh</p> <p>Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát và <u>người điều hành</u> của Công ty cổ phần Cấp nước Trung An.</p>	<p><i>Sửa đổi để đồng bộ quy định thay khái niệm “cán bộ quản lý” thành “người điều hành” theo Nghị định 71/2017/NĐ-CP</i></p>
<p>Điều 19. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên</p> <p>2. Nội dung báo cáo tối thiểu phải bao gồm:</p> <p>d. Kết quả giám sát đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Giám đốc và các <u>cán bộ quản lý</u>;</p>	<p>Điều 19. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên</p> <p>2. Nội dung báo cáo tối thiểu phải bao gồm:</p> <p>d. Kết quả giám sát đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Giám đốc và <u>những người điều hành</u>;</p>	<p><i>Sửa đổi để đồng bộ quy định thay khái niệm “cán bộ quản lý” thành “người điều hành” theo Nghị định 71/2017/NĐ-CP</i></p>
<p>Điều 40. Việc bổ nhiệm Người điều hành doanh nghiệp</p> <p>3. <u>Các cán bộ</u> khác trong Ban điều hành do HĐQT thuê (bổ nhiệm) để giúp việc cho Giám đốc theo từng khối công việc được phân công, chịu trách nhiệm trước pháp luật, HĐQT và quyết định đối với công việc được giao.</p>	<p>Điều 40. Việc bổ nhiệm Người điều hành doanh nghiệp</p> <p>3. <u>Những người điều hành</u> khác trong Ban điều hành do HĐQT thuê (bổ nhiệm) để giúp việc cho Giám đốc theo từng khối công việc được phân công, chịu trách nhiệm trước pháp luật, HĐQT và quyết định đối với công việc được giao.</p>	<p><i>Sửa đổi để đồng bộ quy định thay khái niệm “cán bộ quản lý” thành “người điều hành” theo Nghị định 71/2017/NĐ-CP</i></p>
<p>Chưa có</p>	<p>Điều 44. Người đại diện theo pháp luật của Công ty</p> <p>1. Công ty có hai (02) Người đại diện theo pháp luật là: (i) Chủ tịch HĐQT và (ii) Giám đốc Công ty.</p> <p><u>Trong đó:</u></p> <p>- <u>Giám đốc</u> là người đại diện theo</p>	<p><i>Bổ sung phù hợp đề nghị của doanh nghiệp và Khoản 2 Điều 13, Điều 160 Luật Doanh nghiệp năm</i></p>

QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐÃ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p><u>pháp luật thường trực, thực hiện tất cả các quyền và nghĩa vụ của Người đại diện pháp luật trong suốt quá trình tổ chức và hoạt động của Công ty.</u></p> <p>- <u>Chủ tịch HĐQT sẽ thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty chỉ trong các trường hợp sau:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> • <u>Giám đốc đi vắng mà không ủy quyền/ không có nhân sự để nhận ủy quyền;</u> • <u>Giám đốc bị hạn chế/mất năng lực hành vi dân sự, chết, mất tích, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, ... (những trường hợp không thể phát sinh việc ủy quyền/ việc ủy quyền không có hiệu lực);</u> • <u>Giám đốc bị tạm giam, kết án tù; bị truy cứu trách nhiệm hình sự; trốn khỏi nơi cư trú;</u> • <u>Các giao dịch mà HĐQT quyết định rằng sẽ do Chủ tịch HĐQT ký kết.</u> <p><u>2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:</u></p> <ol style="list-style-type: none"> a. <u>Đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty;</u> b. <u>Đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật;</u> c. <u>Ký kết các hợp đồng, văn bản, báo cáo, chứng từ của Công ty với tư cách là người đại diện theo pháp luật.</u> d. <u>Thuê mướn, tuyển dụng, điều động, ký kết hoặc chấm dứt hợp</u> 	2014.

QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐÃ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p><u>đồng lao đồng với người lao động trong Công ty theo quy định của Pháp luật về lao động và theo thẩm quyền quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế này.</u></p> <p>e. <u>Ký thỏa ước lao động tập thể, ban hành các quy chế khác theo thẩm quyền.</u></p> <p>f. <u>Ủy quyền cho Phó Giám đốc và các người điều hành khác thay mặt mình giải quyết một số công việc của Công ty, nhưng Giám đốc phải chịu trách nhiệm pháp lý về việc ủy quyền này. Đồng thời những người được ủy quyền phải chịu trách nhiệm trước Giám đốc và pháp luật về các công việc được ủy quyền. Người được ủy quyền chỉ được thực hiện nhiệm vụ trong phạm vi được ủy quyền.</u></p> <p><u>Văn bản ủy quyền phải quy định rõ nội dung và thời hạn hiệu lực của việc ủy quyền.</u></p> <p>g. <u>Quản lý con dấu theo quy định của Pháp luật.</u></p> <p>h. <u>Người đại diện theo pháp luật của Công ty có trách nhiệm sau đây:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - <u>Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty;</u> - <u>Trung thành với lợi ích của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</u> - <u>Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về việc bản thân và người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần,</u> 	

QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐÃ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p><u>phần vốn góp chi phối tại các doanh nghiệp khác.</u></p> <p>i. <u>Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.</u></p> <p>3. <u>Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho Công ty do vi phạm nghĩa vụ quy định tại Khoản 2 Điều này.</u></p>	
<p>Điều 46. Thông báo Nghị quyết của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát</p> <p>Đối với việc HĐQT ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và <u>các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty theo Khoản 6 Điều 26 của Điều lệ thì nội dung ủy quyền phải được thể hiện bằng Nghị quyết hoặc văn bản ủy quyền có đa số các chữ ký của thành viên HĐQT và được gửi bản chính đến Giám đốc điều hành; và đáp ứng các yêu cầu khác của pháp luật về ủy quyền.</u></p>	<p>Điều 47. Thông báo Nghị quyết của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát</p> <p>Đối với việc HĐQT ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và <u>những người điều hành đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty theo Khoản 6 Điều 26 của Điều lệ thì nội dung ủy quyền phải được thể hiện bằng Nghị quyết hoặc văn bản ủy quyền có đa số các chữ ký của thành viên HĐQT và được gửi bản chính đến Giám đốc điều hành; và đáp ứng các yêu cầu khác của pháp luật về ủy quyền.</u></p>	<p><i>Sửa đổi để đồng bộ quy định thay khái niệm “cán bộ quản lý” thành “người điều hành” theo Nghị định 71/2017/NĐ-CP</i></p>
<p>Điều 48. Các trường hợp Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị</p> <p>2. Những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT:</p> <p>b. Các công việc kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT theo quy định Khoản 3 Điều 26 Điều lệ Công ty. HĐQT phải phản hồi trong vòng bảy (07) ngày hoặc một thời hạn khác do các bên thỏa thuận.</p>	<p>Điều 49. Các trường hợp Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị</p> <p>2. Những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT:</p> <p>b. Các công việc kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT theo quy định Khoản 4 Điều 26 Điều lệ Công ty. HĐQT phải phản hồi trong vòng bảy (07) ngày hoặc một thời hạn khác do các bên thỏa thuận.</p>	<p><i>Sửa đổi điều khoản tham chiếu phù hợp dự thảo Quy chế.</i></p>
<p>Điều 50. Các vấn đề Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT, BKS</p> <p>1. Giám đốc chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT. Cụ thể:</p>	<p>Điều 51. Các vấn đề Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT, BKS</p> <p>1. Giám đốc chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT. Cụ thể:</p>	<p><i>Sửa đổi điều khoản tham chiếu phù hợp với sự thay đổi thứ tự điều khoản.</i></p>

QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐÃ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
<p>b. Ngoài những công việc phải trình HĐQT theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty và Khoản 2 Điều 48 Quy chế này, Giám đốc có quyền chủ động điều hành hoạt động của Công ty theo quy định phân cấp và phù hợp với quy trình làm việc được HĐQT ban hành; quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, chiến tranh, hỏa hoạn, sự cố...) sau khi thực hiện xong phải báo cáo lại cho HĐQT.</p>	<p>b. Ngoài những công việc phải trình HĐQT theo quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và Khoản 2 Điều 49 Quy chế này, Giám đốc có quyền chủ động điều hành hoạt động của Công ty theo quy định phân cấp và phù hợp với quy trình làm việc được HĐQT ban hành; quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, chiến tranh, hỏa hoạn, sự cố...) sau khi thực hiện xong phải báo cáo lại cho HĐQT.</p>	
<p>Điều 51. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác</p> <p>2. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và BKS:</p> <p>a. HĐQT:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HĐQT gửi thông báo mời họp và các tài liệu liên quan cũng như thông báo kết quả cuộc họp HĐQT cho BKS theo quy định tại Điều 45 và Điều 46 Quy chế này. <p>3. Mọi quan hệ giữa BKS và Giám đốc, người điều hành khác:</p> <p>a. Giám đốc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giám đốc bố trí các phương tiện, trang thiết bị cần thiết phục vụ cho hoạt động của BKS, cử cán bộ có năng lực phù hợp tham gia các đoàn kiểm tra khi cần thiết theo yêu cầu của BKS. 	<p>Điều 52. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác</p> <p>2. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và BKS:</p> <p>a. HĐQT:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HĐQT gửi thông báo mời họp và các tài liệu liên quan cũng như thông báo kết quả cuộc họp HĐQT cho BKS theo quy định tại Điều 46 và Điều 47 Quy chế này. <p>3. Mọi quan hệ giữa BKS và Giám đốc, người điều hành khác:</p> <p>a. Giám đốc:</p> <p>Giám đốc bố trí các phương tiện, trang thiết bị cần thiết phục vụ cho hoạt động của BKS, cử nhân sự có năng lực phù hợp tham gia các đoàn kiểm tra khi cần thiết theo yêu cầu của BKS.</p>	<p><i>Sửa đổi điều khoản tham chiếu phù hợp với sự thay đổi thứ tự điều khoản.</i></p>
<p>Điều 52. Kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc</p> <p>1. Trên cơ sở báo của Giám đốc theo quy định tại Điều 49 Quy chế này và Báo cáo kết quả giám sát của Ban kiểm soát đối với hoạt động của Giám</p>	<p>Điều 53. Kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc</p> <p>1. Trên cơ sở báo của Giám đốc theo quy định tại Điều 50 Quy chế này và Báo cáo kết quả giám sát của Ban kiểm soát đối với hoạt động của Giám</p>	<p><i>Sửa đổi điều khoản tham chiếu phù hợp với sự thay đổi thứ tự điều khoản.</i></p>

QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐÃ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
đốc, HĐQT tổ chức kiểm điểm về việc thực hiện Nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Giám đốc.	đốc, HĐQT tổ chức kiểm điểm về việc thực hiện Nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Giám đốc.	
<p>Điều 54. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động, khen thưởng, kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, thành viên Ban điều hành và <u>các cán bộ quản lý</u></p> <p>1. Căn cứ việc đánh giá kết quả hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 53 Quy chế này, Công ty thực hiện đánh giá, phân loại HĐQT, Ban Giám đốc theo các mức độ: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành nhiệm vụ, không hoàn thành nhiệm vụ để áp dụng chế độ khen thưởng và kỷ luật quy định tại Điều này.</p>	<p>Điều 55. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động, khen thưởng, kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, thành viên Ban điều hành và <u>những người điều hành khác</u></p> <p>1. Căn cứ việc đánh giá kết quả hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 54 Quy chế này, Công ty thực hiện đánh giá, phân loại HĐQT, Ban Giám đốc theo các mức độ: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành nhiệm vụ, không hoàn thành nhiệm vụ để áp dụng chế độ khen thưởng và kỷ luật quy định tại Điều này.</p>	<p><i>Sửa đổi để đồng bộ quy định thay khái niệm “cán bộ quản lý” thành “người điều hành”.</i></p> <p><i>Sửa đổi điều khoản tham chiếu phù hợp với sự thay đổi thứ tự điều khoản.</i></p>
<p>Điều 56. Ngày hiệu lực</p> <p>1. Quy chế này gồm 10 chương 56 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm 2018.</p>	<p>Điều 57. Ngày hiệu lực</p> <p>1. Quy chế này gồm 10 chương 57 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm 2019.</p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp số lượng điều khoản thực tế tại dự thảo Quy chế.</i></p>

Số thứ tự các điều khoản tại Quy chế quản trị nội bộ được điều chỉnh tương ứng với sự thay đổi do có bổ sung thêm điều khoản mới.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 5 năm 2019

Số: 186 /TTr-TA-HDQT

TỜ TRÌNH
Về việc bầu bổ sung 01 thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2015-2020

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 (viết tắt là Luật Doanh nghiệp);
- Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 30/5/2019;
- Đơn ứng cử thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An nhiệm kỳ 2015-2020 của cổ đông Hồ Lê Minh.

Hiện nay, số lượng thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An (sau đây gọi tắt là Công ty) gồm 05 thành viên (trong đó 04 thành viên là Người đại diện vốn góp Tổng Công ty và 01 là cổ đông lớn chiếm 15,85% vốn điều lệ Công ty).

Kể từ ngày 11 tháng 10 năm 2018, ông Hồ Lê Minh đã sở hữu 726.710 cổ phần tương đương 14,53% vốn điều lệ Công ty và có đủ điều kiện để ứng cử thành viên Hội đồng quản trị Công ty

Căn cứ tình hình thực tế, nhằm bảo đảm quyền lợi của cổ đông lớn muốn tham gia vào Hội đồng quản trị để góp phần điều hành doanh nghiệp, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An kính trình Đại hội đồng cổ đông:

1. Chấp nhận bổ sung thêm 01 thành viên Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2015-2020;
2. Chấp nhận đơn ứng cử thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần cấp nước Trung An nhiệm kỳ 2015-2020 của ông Hồ Lê Minh để Đại hội đồng cổ đông bầu cử theo quy định.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.





ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRUNG AN

---o0o---

THẺ BIỂU QUYẾT

Mã tham dự:

CMND/Hộ chiếu/GĐKDN số:

Họ tên:

Tổng số phiếu biểu quyết:

CÁC NỘI DUNG BIỂU QUYẾT:

	Thông qua toàn văn báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất – kinh doanh của Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An năm 2018 và định hướng công tác SXKD năm 2019		
1	<input type="checkbox"/> Đồng ý 	<input type="checkbox"/> Không đồng ý 	<input type="checkbox"/> Không có ý kiến
	Thông qua toàn văn báo cáo hoạt động năm 2018, định hướng công tác năm 2019 của Hội đồng quản trị.		
2	<input type="checkbox"/> Đồng ý 	<input type="checkbox"/> Không đồng ý 	<input type="checkbox"/> Không có ý kiến
	Thông qua toàn văn báo cáo hoạt động năm 2018, phương hướng năm 2019 của Ban Kiểm soát; báo cáo soát xét của Ban kiểm soát.		
3	<input type="checkbox"/> Đồng ý 	<input type="checkbox"/> Không đồng ý 	<input type="checkbox"/> Không có ý kiến
	Thông qua toàn bộ nội dung Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán ngày 10/5/2019 của Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An.		
4	<input type="checkbox"/> Đồng ý 	<input type="checkbox"/> Không đồng ý 	<input type="checkbox"/> Không có ý kiến
	Thông qua nội dung tờ trình của Ban kiểm soát về lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019.		
5	<input type="checkbox"/> Đồng ý 	<input type="checkbox"/> Không đồng ý 	<input type="checkbox"/> Không có ý kiến
	Thông qua tờ trình về việc trích lập quỹ, phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2018 và thông qua các chỉ tiêu tài chính, chia cổ tức năm 2019.		
6	<input type="checkbox"/> Đồng ý 	<input type="checkbox"/> Không đồng ý 	<input type="checkbox"/> Không có ý kiến

Thông qua tờ trình thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát không chuyên trách, thư ký công ty năm 2019.

7

Đồng ý

Không đồng ý

Không có ý kiến



Thông qua tờ trình về việc giao Hội đồng quản trị quyết định các hợp đồng giao dịch với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn.

8

Đồng ý

Không đồng ý

Không có ý kiến



Thông qua toàn văn nội dung tờ trình về sửa đổi Điều lệ theo bảng tổng hợp đính kèm.

9

Đồng ý

Không đồng ý

Không có ý kiến



Thông qua toàn văn nội dung tờ trình về sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ theo bảng tổng hợp đính kèm.

10

Đồng ý

Không đồng ý

Không có ý kiến



Thông qua tờ trình bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2015-2020.

11

Đồng ý

Không đồng ý

Không có ý kiến



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 2019

CÔNG ĐỒNG/ĐẠI DIỆN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Mã số tham dự:



Tên cổ đông:

ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRUNG AN

PHIẾU BIỂU QUYẾT

Số cổ phần biểu quyết:

..... CỔ PHẦN

Sở hữu: Cổ phần

Ủy quyền: Cổ phần

Quý cổ đông sử dụng Phiếu này để biểu quyết các vấn đề chung và phát sinh mới tại Đại hội

(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2019

BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

1/ Họ và tên: HỒ LÊ MINH

2/ Giới tính: NAM

3/ Ngày tháng năm sinh: 16/11/1992

4/ Nơi sinh: TP HCM

5/ Số CMND: 079092002763 . Ngày cấp: 16/09/2016 . Nơi cấp: Cục CS ĐKQL

6/ Quốc tịch: VIỆT NAM

7/ Dân tộc: KINH

8/ Địa chỉ thường trú: 67 Lê Văn Sỹ, P13, Q Phú Nhuận, TPHCM

9/ Số điện thoại: 0932179077

10/ Địa chỉ email: mho.cpw@gmail.com

11/ Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin: *cố đông*

12/ Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

13/ Số CP nắm giữ: **726,610** , chiếm **14,53 %** vốn điều lệ, trong đó:

+ Đại diện Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn-TNHH MTV: 0

+ Cá nhân sở hữu: 726,610

14/ Các cam kết nắm giữ:

15/ Danh sách người có liên quan của người khai (vợ, chồng, con, cha mẹ ruột, cha mẹ chồng, vợ, anh chị em ruột, anh, chị em vợ, chồng):

STT	Tên cá nhân/tổ chức/	Số CMND/Hộ chiếu	Ngày cấp	Số lượng CP/CCQ nắm giữ	Mối quan hệ
01	Hồ Văn Lâm	J20137229	13/09/2011	0	Cha
02	Lê Thị Hương			0	Mẹ

03	Hồ Thiên Thanh			O	Chị
04	Hồ Lê Nhật			O	Em
05					
06					
07					
08					

16/ Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có):

17/ Quyền lợi mâu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có):

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

NGƯỜI KHAI
(ký, ghi rõ họ tên)



Hồ Lê Minh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

(Dùng cho ứng cử viên thành viên Hội đồng Quản trị/Ban kiểm soát
Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An)

- Họ và tên: **HỒ LÊ MINH**
- Giới tính: Nam Nữ
- Ngày sinh: **16/11/1992**
- Quốc tịch: **VIỆT NAM**
- CMND số: **079092002763** ngày cấp: **16/09/2016** nơi cấp: **Cục CS ĐKQL**
- Địa chỉ thường trú: **67 Lê Văn Sỹ, P13, Q. Phú Nhuận**
- Số điện thoại liên lạc: **0932179077**
- Trình độ văn hoá: **12/12**
- Trình độ chuyên môn: **Thạc Sĩ**

Tên văn bằng	Chuyên ngành	Năm tốt nghiệp	Thời gian đào tạo	Cơ sở đào tạo
Đại học	Quản lý dự án xây dựng	2015	4 năm	University of Houston
Thạc sĩ	Khoa Học-Lãnh Đạo	2017	1 năm	Northeastern University

10. Quá trình công tác:

Từ năm... đến năm...	Đơn vị công tác	Chức vụ
2016-2019	CTY CP Công Trình Giao Thông Công Chánh	Phụ Trách Quản Lý Dự Án

Tôi cam đoan thông tin trên là đúng sự thật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về những thông tin đã khai.

Hồ sơ đính kèm: (CMND, bằng cấp, ...)

- CMND
- Bằng Cấp
- Hồ sơ
-
-

....., ngày 22 tháng 03 năm 2019

Ứng cử viên
(Ký và ghi rõ họ tên)



.....
Hồ Lê Minh

Số: /NQ-TA-ĐHĐCĐ

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng 5 năm 2019

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TRUNG AN

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An (sửa đổi, bổ sung lần thứ sáu ngày 20/11/2018);
- Quy chế quản trị nội bộ Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An được đại hội cổ đông thường niên thông qua ngày 24/4/2018.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua Báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất – kinh doanh của Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An năm 2018 và định hướng nhiệm vụ năm 2019 (báo cáo số 179/BC-TA-HĐQT ngày 16/5/2019 đính kèm), với các chỉ tiêu chính như sau:

* Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018:

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2017	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	Tỷ lệ (%)	
					=3/2	=3/1
		1	2	3	4	5
1	Nước tiêu thụ	46.648.590 m ³	52.000.000 m ³	55.227.331 m³	106,2	118,4
2	Doanh thu tiền nước	366,690 tỷ đồng	403,520 tỷ đồng	431,283 tỷ đồng	106,9	117,6
	Các chỉ tiêu khác về doanh thu: - Tỷ lệ thực thu đạt - Giá bán bình quân	97,8 % 7.790 đồng/m ³	99 % 7.760 đồng/m ³			
3	Gắn mới đồng hồ nước	46.766 ĐHN	20.000 ĐHN	14.014 ĐHN	70,1	30
4	Thay đồng hồ nước	23.230 ĐHN	22.010 ĐHN	16.548 ĐHN	75,2	71,2

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2017	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	Tỷ lệ (%)	
					=3/2	=3/1
					1	2
	Trong đó: + ĐHN cỡ nhỏ + ĐHN cỡ lớn	23.217 ĐH 13 ĐHN	22.000 ĐHN 10 ĐHN	16.536 ĐHN 12 ĐHN	75,2 120	71,2 92,3
5	Đầu tư xây dựng phát triển mạng lưới cấp nước: - Khối lượng - Giá trị	17.258 m 33,42 tỷ đồng	54.613 m 84,232 tỷ đồng	839 m 3,946 tỷ đồng	1,5 4,7	4,9 11,8
6	Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch	100 %	100 %	100 %	100	100
7	Tỷ lệ nước không doanh thu	17 %	16,5 %	16,39 %	thấp hơn 0,11%	thấp hơn 0,61%
Công tác giảm thất thoát nước:						
a	Di dời ĐHN ra ngoài BDS phục vụ giảm thất thoát nước thương mại	6.293	5.000 địa chỉ	5.243 địa chỉ	104,9	83,3
b	Thay ống nhánh cũ, mục	9.861	5.000 địa chỉ	4.076 địa chỉ	51	81,5
c	Lắp đặt điểm xả cặn	237	150 điểm	201 điểm	134	84,8
d	Sửa chữa điểm xì, bể	3.068	7.000 địa chỉ	2.867 địa chỉ	41	93,4
e	Nâng hộp bảo vệ đồng hồ nước do địa phương đang thi công nâng cấp các tuyến đường, hẻm	-	-	951 địa chỉ	-	-

* Chỉ tiêu chủ yếu về tài chính năm 2018:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2017	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	Tỷ lệ (%)	
						= 3/2	= 3/1
						1	2
1	Tổng doanh thu và các khoản thu nhập	Tỷ đồng	329,782	208,762	208,106	99,69%	63,1%
	Trong đó						
a	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tỷ đồng	329,254	207,862	206,012	99,11%	62,57%
b	Doanh thu hoạt động tài chính	Triệu đồng	312	400	299	74,75%	95,83%

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2017	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	Tỷ lệ (%)	
						= 3/2	= 3/1
						1	2
c	Thu nhập khác	Triệu đồng	216	500	1,795	359 %	831,02%
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	6,362	5,500	8,245	149,91%	129,6%
3	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	Tỷ đồng	5,038	4,400	6,438	146,32%	127,79%

* Các chỉ tiêu kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu năm 2019:

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2019	KH2019/2018 TH(%)	GHI CHÚ
A. SẢN XUẤT - KINH DOANH					
1	Nước tiêu thụ	m3	63.500.000	114,98	
2	Thu tiền nước	Triệu đồng	493.522	114,44	Giá bán BQ = 7.722 đ/m3
3	Gắn mới đồng hồ nước	cái	9.000	64,22	
4	Thay đồng hồ nước cỡ nhỏ	cái	20.000	120,95	
5	Thay đồng hồ nước cỡ lớn	cái	18	150,00	
6	Thay đồng hồ nước định kỳ cho khách hàng thuộc địa bàn trạm cấp nước do XNCNSHNT bàn giao	cái	5.000	-	
7	Dự trù cho trường hợp ĐHN bị ngưng	cái	1.500	-	
8	Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch	%	100,00	100,00	
9	Tỷ lệ nước thất thoát thất thu	%	15,50	-	- Giảm 0,899% so bình quân năm 2018 (16,39%)
B. CÔNG TÁC GIẢM NƯỚC THẤT THOÁT THẤT THU:					
	B1. Công tác quản lý mạng lưới:				
1	* Thay ống nhánh cũ mục, thay đại PVC	cái	8.000	196,27	
2	* Thay ống nhánh chuyên đổi đường ống cấp nước tại khu vực các trạm cấp nước trên địa bàn Quận 12 và Huyện Hóc Môn	cái	1.300	-	

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2019	KH2019/2018 TH(%)	GHI CHÚ
3	* Dời ĐHN có gắn hộp bảo vệ phục vụ công tác giám nước thất thoát thương mại	cái	8.000	152,58	
4	* Lắp đặt điểm xả cặn	hầm	200	99,50	
5	* Nâng ĐHN do bị âm sâu, khuấy lấp, vỡ hộp bảo vệ ĐHN hoặc địa phương nâng cấp các tuyến đường, hẻm	cái	5.940	624,61	
6	* Sửa chữa bể, sự cố, rò rỉ, tái lập mặt đường, coi van, sửa chữa hầm đồng hồ bị sự cố	vị trí	7.000	229,51	
7	* Duy tu, bảo trì bảo dưỡng hầm đồng hồ tổng, ĐHT, tủ tín hiệu	hầm	51	-	
		tủ tín hiệu	5		
8	* Xử lý các trường hợp giao cắt với các công trình khác, thay van hư hỏng hiện có trên các DMA	vị trí	115	-	
	- Xử lý giao cắt P100	vị trí	60		
	- Xử lý giao cắt P150	vị trí	40		
	- Xử lý giao cắt P200	vị trí	15		
9	* Dự trữ vật tư dự phòng thay thế tủ tín hiệu, nắp hầm ĐHT trường hợp bị sự cố	cái	48	-	- Nắp hầm ĐHT 45 cái; tủ tín hiệu 03 cái
	B2. Trang bị thiết bị phục vụ công tác giám thất thoát nước				Năm 2018 không thực hiện
10	Mua sắm pin ĐHT, pin thiết bị ghi nhận dữ liệu, dây cáp truyền tín hiệu	cái	40	-	- Pin ĐHT 20 cái; Pin Data 20 cái
11	Kiểm định ĐHT hết hạn	cái	20	-	
12	Mua sắm thay thế ĐHT, bộ hiển thị đồng hồ, datalogger hư hỏng phục vụ công tác giám thất thoát nước	bộ	3	-	
13	Mua sắm thiết bị dò tìm khuyến đại	bộ	2	-	
14	Mua sắm thiết bị dò tìm cầm tay (leakpen)	bộ	4	-	
15	Mua sắm thiết bị dò tìm van	bộ	2	-	
16	Mua sắm thiết bị định vị vệ tinh	bộ	1	-	

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2019	KH2019/2018 TH(%)	GHI CHÚ
C. ĐẦU TƯ XÂY DỰNG					Chi tiết theo danh mục đính kèm
1	Phát triển mạng lưới cấp nước				
	- Khối lượng	mét	25.851	3081,17	
	- Giá trị khối lượng	triệu đồng	25.543	2011,26	
	- Giá trị giải ngân	triệu đồng	14.293	362,21	
2	Đầu tư ống mục				
	- Khối lượng	mét	5.173	-	Thay thế cho tuyến ống của các trạm cấp nước do XN CN sinh hoạt nông thôn bàn giao cho Công ty.
	- Giá trị khối lượng	triệu đồng	5.865	-	
	- Giá trị giải ngân	triệu đồng	5.228	-	
3	Di dời, xử lý giao cắt tuyến ống				
	- Khối lượng	mét	111	-	
	- Giá trị khối lượng	triệu đồng	724	-	
	- Giá trị giải ngân	triệu đồng	724	-	
4	Sửa chữa ống mục				
	- Khối lượng	mét	2.315	-	
	- Giá trị khối lượng	triệu đồng	9.536	-	
	- Giá trị giải ngân	triệu đồng	4.691	672,06	
5	Chi phí giảm nước thất thoát thất thu				
	- Giá trị khối lượng	triệu đồng	-	25,322	KH 2019 phụ thuộc vào HĐ giảm nước không doanh thu nhưng hiện nay Tcty chưa ký nên chưa có số liệu.
	- Giá trị giải ngân	triệu đồng	-	-	
6	Di dời hệ thống cấp nước;				
	- Khối lượng	mét	419	-	
	- Giá trị khối lượng	triệu đồng	1.264	-	
	- Giá trị giải ngân	triệu đồng	1.440	22,88	

Điều 2. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2018, phương hướng nhiệm vụ năm 2019 (báo cáo số 180/BC-TA-HĐQT ngày 16/5/2019 đính kèm).

Điều 3. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2018, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm 2019 (báo cáo số 07/BC-TA-BKS ngày 16/5/2019 đính kèm).

Điều 4. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2018 đã kiểm toán (Tài liệu đính kèm).

Điều 5. Thông qua Tờ trình của Ban kiểm soát về việc lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 cho Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An (tờ trình số 08/TTr-TA-BKS đính kèm)

Điều 6. Thông qua Tờ trình về việc trích lập quỹ, phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2018 và thông qua kế hoạch tài chính, chia cổ tức năm 2019 của Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An (tờ trình 181/TTr-TA-HĐQT ngày 16/5/2019 đính kèm) với các chỉ tiêu chính như sau:

✦ Về trích lập quỹ, phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2018

Đơn vị tính: Đồng

DIỄN GIẢI	SỐ BÁO CÁO		CỘNG	Ghi chú
	Năm 2017	Năm 2018		
Lợi nhuận sau thuế TNDN chưa phân phối	1.254.007.743*	6.438.338.407	7.692.346.150	100%
Lợi nhuận còn để lại chưa phân phối	-	614.168.765	614.168.765	7,98%
Quỹ đầu tư phát triển		978.177.385	978.177.385	12,72%
Quỹ khen thưởng	308.360.504	1.191.639.496	1.500.000.000	19,50%
Quỹ phúc lợi	61.697.181	238.302.819	300.000.000	3,90%
Quỹ thưởng Ban QLĐH	61.697.181	238.302.819	300.000.000	3,90%
Cổ tức (8%)	822.252.877	3.177.747.123	4.000.000.000	52%

* Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2017 được bổ sung tăng thêm 1.254.007.743 đồng theo thông báo kết quả kiểm toán tại Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An số 21/TB-KV IV ngày 08/01/2019 của Kiểm toán Nhà nước Khu vực IV.

✦ Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định thời gian chi trả cổ tức năm 2018 (8% trên vốn Điều lệ) và thực hiện chi trả cổ tức năm 2018 bằng tiền (dự kiến trong quý II năm 2018).

✦ Các chỉ tiêu chính của kế hoạch tài chính, dự kiến chia cổ tức năm 2019:

STT	CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN (đồng)	KH 2019/TH 2018
1	Tổng doanh thu	158.575.000.000	73%
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	7.150.000.000	107%
3	Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN	5.720.000.000	110%
4	Chia cổ tức	7% đến 9%	

Điều 7. Thông qua Tờ trình thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, thư ký công ty năm 2019 (tờ trình 182/TTr-TA-HĐQT ngày 16/5/2019 đính kèm).

Điều 8. Thông qua Tờ trình về việc giao Hội đồng quản trị quyết định các Hợp đồng giao dịch với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn (tờ trình 183/TTr-TA-HĐQT ngày 16/5/2019 đính kèm).

Điều 9. Thông qua tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An lần thứ bảy (theo bảng tổng hợp đính kèm tờ trình số 184/TTr-TA-HĐQT ngày 16/5/2019).

Điều 10. Thông qua tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An (theo bảng tổng hợp đính kèm tờ trình số 185/TTr-TA-HĐQT ngày 16/5/2019).

Điều 11. Thông qua tờ trình về việc bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2015-2020 (tờ trình 186/TTr-TA-HĐQT ngày 16/5/2019 đính kèm).

Điều 12. Bầu bổ sung ông Hồ Lê Minh làm thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Trung An nhiệm kỳ 2015-2020.

Điều 13. Giao Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Trung An tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội.

Nơi nhận:

- UBCK Nhà nước;
- Sở GD CK Hà Nội;
- Quý cổ đông;
- HĐQT, BKS;
- HĐTV Tcty;
- BGĐ Cty;
- P TCHC đăng website Cty;
- Lưu.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Võ Thị Hồng Hà